

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Thanh
Giảng viên hướng dẫn: CN.TTr viên cấp II. Dương Văn Biên

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN
TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Thanh

Giảng viên hướng dẫn: CN.TTr viên cấp II. Dương Văn Biên

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Thanh

Mã SV:120594

Lớp: QT1206K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất
và

tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Doanh nghiệp sản xuất
- Trình bày thực tế tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại VIC
- Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu kế toán của công ty từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH Thương mại VIC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Dương Văn Biên

Học hàm, học vị: CN.TTr.Viên Cấp II

Cơ quan công tác: Thanh tra thành phố Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	1
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất	3
1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	3
1.2.1. Chi phí sản xuất, phân loại chi phí sản xuất.....	3
1.2.2. Giá thành sản phẩm, phân loại giá thành sản phẩm.....	7
1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	9
1.3.2. Đối tượng tính giá thành	11
1.3.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành	12
1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất	12
1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	13
1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp	14
1.4.3. Kế toán chi phí sản xuất chung	16
1.4.4. Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp	18
1.5. Đánh giá sản phẩm làm dở	20
1.5.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	21
1.5.2. Đánh giá sản phẩm làm dở theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.....	21
1.5.3. Đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí định mức.....	22
1.5.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí biến đổi	23
1.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.....	23
1.6.1. Đối tượng tính giá thành	23
1.6.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong DN sản xuất.....	23

1.7.Tổ chức sổ kế toán tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp.....	29
1.7.1 .Kế toán chi phí sản xuất & tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký- Sổ cái.....	29
1.7.2. Kế toán hạch toán chi phí sx & tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chứng từ.....	30
1.7.3. Kế toán hạch toán chi phí sx & tính giá thành sản phẩm theo hình thức chứng từ ghi sổ.....	32
1.7.4.Kế toán hạch toán chi phí sx & tính giá thành sp theo hình thức Nhật ký chung.....	33
1.7.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:	34
CHƯƠNG 2 THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC.....	36
2.1.1.Đặc điểm sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý.....	37
2.1.2.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại VIC.	39
2.2.Thực tế tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC	43
2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí NVL trực tiếp	44
2.2.2.Chi phí nhân công trực tiếp(TK 622).....	56
2.2.3.Chi phí sản xuất chung(TK 627).....	64
2.2.4.Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất cuối kỳ.....	74
2.2.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ	77
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC	80
3.1.Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại VIC.	80
3.2.Nhận xét chung về tổ chức kế toán tập hợp chí phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại VIC.....	81

3.2.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại VIC.	81
3.2.2. Những hạn chế trong công tác kế toán tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại VIC.	83
3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm.	84
3.3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương Mại VIC.	84
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ngày một phát triển, đặc biệt xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững cần phải biết tự chủ về mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ việc đầu tư, sử dụng vốn tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm, phải biết tận dụng năng lực cơ hội để lựa chọn cho mình một hướng đi đúng đắn. Để có được điều đó, một trong những biện pháp là mỗi doanh nghiệp đều không ngừng hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Là một trong những phần hành quan trọng của công tác kế toán, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với chức năng giám sát và phản ánh trung thực, kịp thời các thông tin về chi phí sản xuất phát sinh trong thời gian, tính đúng, đủ chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm sẽ giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các phương án thích hợp giữa sản phẩm kinh doanh, xác định giá bán sản phẩm, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được xác định là khâu trọng tâm của công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất. Việc hoàn thiện công tác chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm thực sự cần thiết và có ý nghĩa.

Su bước chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một số doanh nghiệp nhà nước không thích ứng kịp thời, không có sự điều chỉnh phù hợp, hiệu quả sản xuất kinh doanh kém đã dẫn tới giải thể, phá sản. Bên cạnh đó có rất nhiều doanh nghiệp đã biết vươn lên để khẳng định mình và ngày càng phát triển một trong số đó là Công ty TNHH Thương mại VIC với các sản phẩm đa dạng phong phú, giá cả hợp lý đang ngày càng một chiếm lĩnh thị trường, gần gũi hơn với người tiêu dùng.

Sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC, cùng với sự hướng dẫn của thầy Dương Văn Biên và các Cô, Chú trong Phòng Tài Vụ của công ty, em đã chọn đề tài: "Hoàn thiện Công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC"

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết cấu luận văn của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực tế tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại VIC

Chương 3: Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại VIC

CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất .

Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố thuận lợi được đặt lên hàng đầu trong bất kỳ nhà sản xuất nào cũng phải quan tâm đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Vì giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, kết quả sử dụng các loại tài sản vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật nhằm sản xuất được nhiều nhất với chi phí sản xuất và giá thành hạ thấp. Như vậy để tồn tại và phát triển được trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt các doanh nghiệp cần phải tìm mọi cách để nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã phù hợp với nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Bên cạnh đó doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để tiếp kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Việc hạ giá thành sản phẩm tạo ưu thế cho doanh nghiệp trong cạnh tranh, tiêu thụ nhanh sản phẩm, thu hồi vốn nhanh và thu lãi lợi nhuận lớn. Do vậy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là nội dung không thể thiếu được trong toàn bộ nội dung tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp.

1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.2.1. Chi phí sản xuất, phân loại chi phí sản xuất

1.2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất

Quá trình hoạt động của doanh nghiệp thực chất là sự vận động kết hợp, tiêu dùng chuyển đổi các yếu tố sản xuất kinh doanh đã bỏ ra để tạo thành các sản phẩm công việc, lao vụ nhất định.

Trên phương diện này, chi phí của doanh nghiệp có thể hiểu là toàn bộ các hao phí về lao động sống cần thiết lao động vật hoá và các chi phí khác mà doanh nghiệp phải chi ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh biểu hiện bằng tiền và tính cho một kỳ nhất định. Như vậy, bản chất của chi phí trong hoạt động của doanh nghiệp luôn được xác định là những phí tổn (hao phí) về tài

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nguyên, vật chất, về lao động và gắn liền với mục đích kinh doanh. Mặt khác khi xem xét bản chất của chi phí trong doanh nghiệp cần phải xác định rõ:

- Chi phí của doanh nghiệp phải được đo lường và tính toán bằng tiền trong 1 khoảng thời gian xác định.

- Độ lớn của chi phí phụ thuộc vào 2 nhân tố chủ yếu : khối lượng các yếu tố sản xuất đã tiêu hao trong kỳ và giá cả của 1 đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí.

Việc nghiên cứu và nhận thức chi phí còn phụ thuộc vào góc độ nhìn nhận trong từng loại kế toán khác nhau.

Trên góc độ kế toán tài chính, chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tổn phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp để đạt được 1 sản phẩm, lao vụ, dịch vụ nhất định. Chi phí được xác định bằng tiền của những hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hoá trên cơ sở chứng từ, tài liệu bằng chứng chắc chắn.

Trên góc độ kế toán quản trị, chi phí còn được nhận thức theo phương thức nhận diện thông tin ra quyết định. Chi phí có thể là phí tổn thực tế gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày khi tổ chức thực hiện, kiểm tra, ra quyết định, chi phí có thể là phí tổn ước tính để thực hiện dự án, phí tổn mất đi khi lựa chọn phương án, bỏ qua cơ hội kinh doanh.

1.2.1.2. Phân loại chi phí

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, nhiều thứ khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra cổ phần cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh cần phải được phân loại theo những tiêu thức phù hợp.

a. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo hoạt động và công dụng kinh tế

- Chi phí hoạt động chính và phụ: bao gồm chi phí tạo ra doanh thu bán hàng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản chi phí này được chia thành chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

+ Chi phí sản xuất: là toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến chế tạo sản

phẩm lao vụ, dịch vụ trong 1 kỳ, biểu hiện bằng tiền.

Chi phí sản xuất gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

+ Chi phí ngoài sản xuất: gồm các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí khác: là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động ngoài sản xuất kinh doanh chức năng của doanh nghiệp.

Chi phí khác, bao gồm chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.

Phân loại theo cách này, giúp cho doanh nghiệp thấy được công dụng của từng loại chi phí, từ đó có định hướng phân đấu hạ thấp chi phí riêng từng loại nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí theo định mức. Ngoài ra, kết quả thu được còn giúp cho việc phân tích tình hình hoàn thiện kế hoạch giá thành, làm tài liệu tham khảo cho công tác lập định mức chi phí và lập kế hoạch giá thành cho kỳ sau.

b. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, kinh doanh ở doanh nghiệp.

Nghiên cứu chi phí theo ý nghĩa đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh thì toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành chi phí ban đầu và chi phí luân chuyển nội bộ.

- Chi phí ban đầu: là các chi phí mà doanh nghiệp phải lo liệu, mua sắm, chuẩn bị từ trước để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí ban đầu bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền.

- Chi phí luân chuyển nội bộ: là các chi phí phát sinh trong quá trình phân công và hợp tác lao động trong doanh nghiệp.

Phân loại theo yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với quản lý vĩ mô cũng như đối với quản trị doanh nghiệp. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố đầu vào là cơ sở để lập và kiểm tra việc thực hiện dự toán chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, lập kế hoạch cân đối trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cũng như ở từng doanh nghiệp, là cơ sở

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

xác định mức tiêu hao vật chất, tính thu nhập quốc dân cho ngành toàn bộ nền kinh tế.

c. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ của chi phí với các khoản mục trên Báo cáo tài chính

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất kinh doanh chia thành chi phí sản xuất và chi phí thời kỳ.

- Chi phí sản xuất: là những khoản chi phí gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm hay quá trình mua hàng hoá để bán. Đối với doanh nghiệp sản xuất, gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- Chi phí thời kỳ: là các khoản chi phí để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, không tạo nên giá trị hàng tồn kho mà ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong kỳ mà chúng phát sinh.

d. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo khái niệm quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí (theo phương pháp quy nạp)

Theo tiêu thức này chi phí sản xuất kinh doanh chia thành 2 loại:

- Chi phí trực tiếp: là những chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí

- Chi phí gián tiếp: là chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí khác nhau nên không thể quy nạp trực tiếp được mà phải tập hợp quy nạp cho từng doanh thu theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

e. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ với quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và quá trình kinh doanh.

Theo tiêu thức này chi phí bao gồm:

- Chi phí cơ bản: là chi phí liên quan trực tiếp đến quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm

- Chi phí chung: là chi phí liên quan đến phục vụ và quản lý sản xuất có tính chất chung.

f. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ với mức độ hoạt động

Theo mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động. Chi phí được chia thành:

- Chi phí khả biến: là những chi phí thay đổi tỷ lệ với mức hoạt động của đơn vị.
- Chi phí bất biến: là những chi phí mà tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi hoạt động của đơn vị.
- Chi phí hỗn hợp: là loại chi phí mà bản thân nó gồm có cả chi phí khả biến và chi phí bất biến.

Việc phân loại này có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết kế , xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận, xác định điểm hoàn vốn cũng như ra các quyết định kinh doanh quan trọng. Mặt khác, còn giúp các nhà quản trị doanh nghiệp xác định đúng đắn phương hướng để nâng cao hiệu quả của chi phí.

1.2.2. Giá thành sản phẩm, phân loại giá thành sản phẩm

1.2.2.1. Xét về thực chất, thì chi phí sản xuất kinh doanh là sự chuyển dịch vốn của doanh nghiệp vào đối tượng tính giá nhất định, nó là vốn của doanh nghiệp bỏ vào quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy để quản lý có hiệu quả và kịp thời đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, các nhà quản trị doanh nghiệp luôn cần biết số chi phí chi ra cho từng loại hoạt động, sản phẩm, dịch vụ trong kỳ là bao nhiêu, số chi phí đã chi đó cấu thành trong số sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành là bao nhiêu. Giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ sẽ giúp nhà quản trị doanh nghiệp trả lời được câu hỏi này.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ những hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hoá được tính trên một khối lượng kết quả sản phẩm lao vụ, dịch vụ hoàn thành nhất định.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu mang tính giới hạn và xác định, vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan. Trong hệ thống các chỉ tiêu quản lý của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản trong quá trình sản xuất kinh doanh, cũng như tính đúng đắn của những giải pháp quản lý mà doanh nghiệp đã thực hiện

nhằm hạ thấp chi phí, nâng cao lợi nhuận.

1.2.2 .2. Phân loại giá thành: cũng như chi phí sản xuất, tùy theo mục đích quản lý và yêu cầu hạch toán mà giá thành sản phẩm được phân thành các loại sau:

a. Phân loại giá thành theo phạm vi tính toán chi phí: theo tiêu thức này giá thành được chia thành:

- Giá thành sản xuất: là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ = Giá thành sản xuất + chi phí quản lý doanh nghiệp + chi phí bán hàng

Cách phân loại này giúp nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh (lãi lỗ) của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên, do hạn chế nhất định nên cách phân loại này chỉ mang ý nghĩa nghiên cứu, ít được áp dụng.

b. Phân loại theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành

c. Theo đó, giá thành chia làm 3 loại:

- Giá thành kế hoạch: được tính toán trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và số lượng kế hoạch. Việc tính toán giá thành kế hoạch được tiến hành trước khi thực hiện sản xuất, chế tạo sản phẩm. Chi tiêu này được xem là mục tiêu phấn đấu là cơ sở để đánh giá phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức được tiến hành trước khi sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành định mức là thước đo chính xác kết quả kinh doanh các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp. Đó là căn cứ quản lý quan trọng, tạo cơ sở cho việc đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của giải pháp kinh tế kỹ thuật đã áp dụng.

- Giá thành thực tế: là giá thành sản phẩm tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ với số lượng thực tế sản xuất được. Khác với 2 loại giá thành trên, Giá thực tế chỉ được tính toán sau khi quá trình sản xuất đã hoàn thành.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ hạch toán, từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức cho phù hợp.

1.2.3. Môi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.2.3.1. Môi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai chỉ tiêu giống nhau về chất đều là hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất. Nhưng do bộ phận chi phí sản xuất giữa các kỳ không đều nhau nên chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm lại khác nhau trên 2 phương diện:

- Về mặt phạm vi: chi phí sản xuất gắn với 1 thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành.

- Về mặt lượng: chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khác nhau khi có chi phí sản xuất dở dang. Thể hiện:

Tổng giá thành sản phẩm = Tổng chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ + Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

Trong trường hợp đặc biệt: Dở dang đầu kỳ = Dở dang cuối kỳ hoặc không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành sản phẩm bằng chi phí sản xuất trong kỳ.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau, chi phí sản xuất là đầu vào, là nguyên nhân dẫn đến kết quả đầu ra là giá thành sản phẩm. Mặt khác, số liệu của kế toán tập hợp chi phí là cơ sở để tính giá thành sản phẩm. Vì vậy, tiết kiệm được chi phí sẽ hạ được giá thành.

1.2.3.2.- Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế, phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có mối

quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm kế hoạch hợp lý, đúng đắn có ý nghĩa lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành sản phẩm. Do đó, để tổ chức tốt công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm, đáp ứng đầy đủ, thiết thực, kịp thời yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Cần nhận thức đúng đắn vị trí kế toán chi phí, tính giá thành sản phẩm trong hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán liên quan.

- Xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo các phương pháp phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Xác định đúng đắn đối tượng tính giá thành và phương pháp tính phù hợp, khoa học.

- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhập, xử lý-hệ thống hoá thông tin về chi phí giá thành của doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra thông tin về kế toán chi phí, giá thành sản phẩm của các bộ phận kế toán liên quan và bộ phận kế toán chi phí và giá thành sản phẩm.

- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo về chi phí, giá thành sản phẩm, cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định 1 cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

1.3.Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm

1.3.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi và giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất theo các phạm vi và giới hạn nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát chi phí và yêu cầu tính giá thành

Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất. Thực chất của việc xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác định nơi gây ra chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ) hoặc đối tượng chi phí (sản phẩm, đơn đặt hàng)

Như vậy, xác định đối tượng chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý là cơ sở để tổ chức kế toán chi phí sản xuất, từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết.

- Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể phát sinh ở nhiều điểm khác nhau liên quan đến việc sản xuất chế tạo các loại sản phẩm, lao vụ khác. Các nhà quản trị doanh nghiệp cần biết được các chi phí phát sinh đó ở đâu, dùng vào việc sản xuất sản phẩm nào đó chính là đối tượng kế toán chi phí sản xuất.

1.3.2. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công vụ, lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Việc xác định đối tượng tính giá thành cũng cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng, yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản xuất được xác định là đối tượng tính giá thành. Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt thì từng loại sản phẩm là đối tượng tính giá thành.

Đi với quy trình công nghệ sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành sẽ là sản phẩm hoàn thành cuối cùng của quá trình công nghệ, còn các doanh nghiệp có quá trình công nghệ sản xuất và chế biến phức tạp thì đối tượng tính giá thành có thể là nửa thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn công nghệ cuối cùng và cũng có thể là từng bộ phận chi tiết sản phẩm và sản phẩm đã lắp ráp hoàn thành.

1.3.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau về bản chất, đều là những phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất theo đó và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích, kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm. Giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, việc xác định hợp lý đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là tiền đề, điều kiện để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp.

Trong thực tế, 1 đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất có thể trùng với đối tượng tính giá thành sản phẩm hoặc 1 đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành sản phẩm và ngược lại.

Mối quan hệ giữa đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở 1 doanh nghiệp cụ thể sẽ quyết định việc lựa chọn phương pháp tính và kỹ thuật tính giá thành của doanh nghiệp đó.

Trên thực tế, khi xem xét các loại nửa thành phẩm tự chế, các bộ phận, một chi tiết sản phẩm có là đối tượng tính giá thành hay không cần phải cân nhắc đến các mặt như: chu kỳ sản xuất sản phẩm dài hay ngắn, nửa thành phẩm tự chế có phải là hàng hoá hay không để xác định cho phù hợp.

1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Tùy theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất thích hợp. Có 2 phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

- Phương pháp trực tiếp: phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó, có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ gián tiếp: phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép riêng cho từng đối tượng được. Như vậy, phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng, sau đó lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mức phân bổ cho từng đối tượng:

$$C_i = T_i * H \quad (i = 1, n)$$

Trong đó:

H là hệ số phân bổ

C_i: Chi phí phân bổ cho từng đối tượng i

T_i: Tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng i

$$H = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn dùng để phân bổ}}$$

1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng để sản xuất sản phẩm phần lớn là chi phí trực tiếp nên được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng liên quan, căn cứ vào chứng từ xuất kho vật liệu và báo cáo sử dụng vật liệu ở nơi sản xuất.

Trường hợp cần phân bổ thì phân bổ theo phương pháp gián tiếp.

Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu, kế toán sử dụng Tài khoản 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và một số tài khoản liên quan như: Tk 111. TK 112, TK 151, TK 152..

Kết cấu cơ bản Tài khoản 621:

Bên Nợ: Trị giá nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất

Bên Có: - Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập kho

- Trị giá phế liệu thu hồi

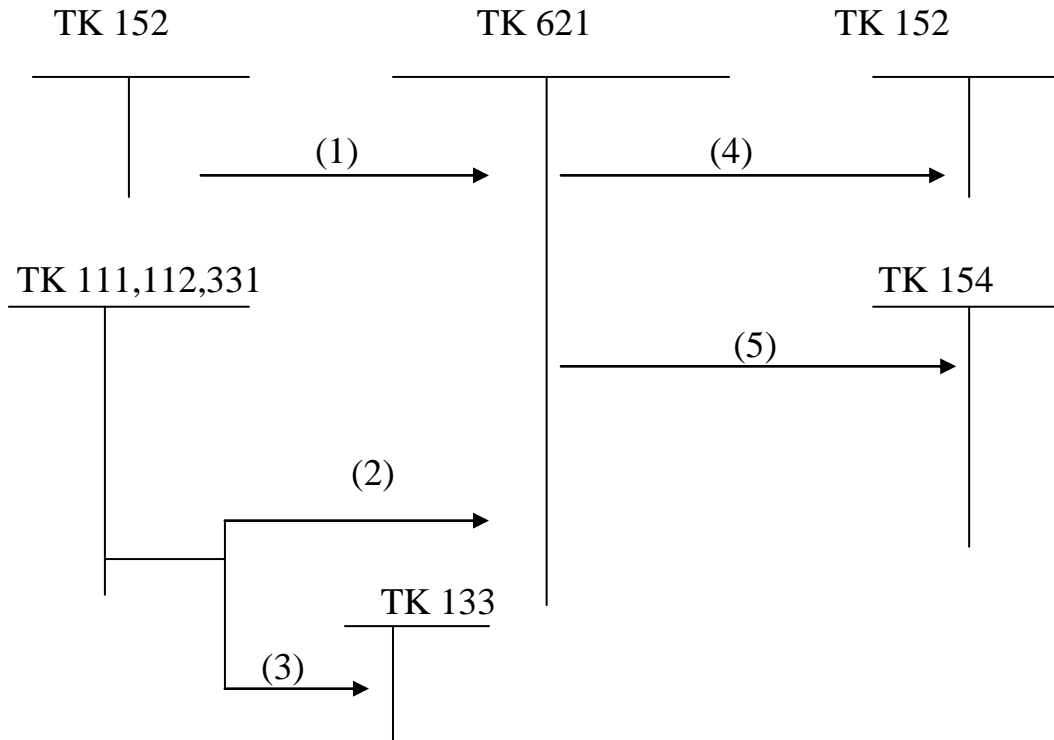
- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành sản phẩm khi tính toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, và phân bổ phần nguyên vật liệu chưa sử dụng hết, phần giá trị phế liệu thu hồi (nếu có), phần chi phí thực tế là:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong kỳ = chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong kỳ - trị giá nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ - trị giá phế liệu thu hồi

TK 621: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu, vật liệu trực tiếp



(1): chi phí nguyên vật liệu đầu kỳ, chi phí mua hàng

(2): tổng giá thanh toán

(3): thuế GTGT được khấu trừ

(4): NVL dùng không hết nhập kho

(5): Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp

1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp theo số tiền trả công nhân sản xuất.

Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất, đối tượng lao động khác thể hiện trên bảng tính và thanh toán lương, tổng hợp, phân bổ cho các đối tượng kế toán chi phí sản xuất trên bảng phân bổ tiền lương.

Các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp) tính vào chi phí nhân công trực tiếp theo quy định hiện hành.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để kế toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng Tài khoản 622 – chi phí nhân công trực tiếp.

Kết cấu cơ bản:

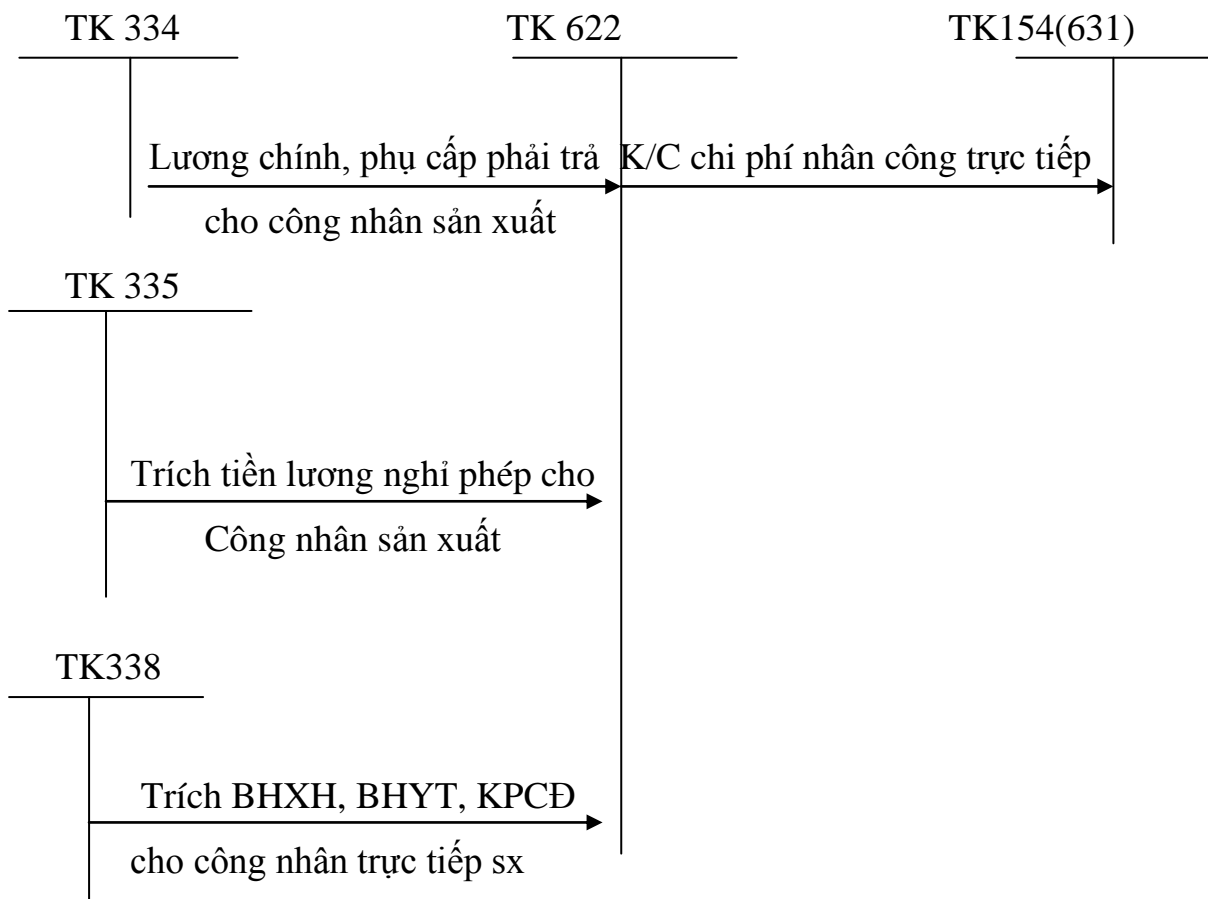
Bên Nợ: Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm gồm tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương.

Bên Có: phân bổ kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng chịu chi phí liên quan để tính giá thành sản phẩm.

Việc tính toán phân bổ chi phí NC TT có thể được phản ánh ở bảng phân bổ tiền lương và BHXH. Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng DN mà TK 622 có thể mở chi tiết cần thiết để tập hợp chi phí NC TT.

TK 622 : chi phí nhân công trực tiếp không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán nhân công trực tiếp được khái quát theo sơ đồ sau:



1.4.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền...

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung

Kết cấu cơ bản:

Bên Nợ: - Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

- Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường

- kết chuyển chi phí sản xuất chung vào bên nợ TK 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” hoặc vào bên nợ TK 631 “giá thành sản xuất”

TK 627 cuối kỳ không có số dư

❖ Căn cứ để tập hợp và kết chuyển chi phí sản xuất chung :

- Căn cứ vào bảng thanh toán lương phải trả cho công nhân viên phân xưởng, đội tổ sx trong kỳ.

- Căn cứ vào tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo đúng quy định

- Căn cứ vào phiếu xuất công cụ dụng cụ cho hoạt động sx ở phân xưởng.

- Căn cứ vào phiếu xuất nguyên vật liệu sử dụng chung cho phân xưởng sx.

- Căn cứ vào số liệu trong bảng trích khấu hao TSCĐ ở từng phân xưởng, đội tổ sx.

- Căn cứ vào các hoá đơn GTGT phục vụ cho quản lý phân xưởng như: tiền điện nước, tiền điện thoại, tiền sửa chữa TSCĐ với số tiền nhỏ.

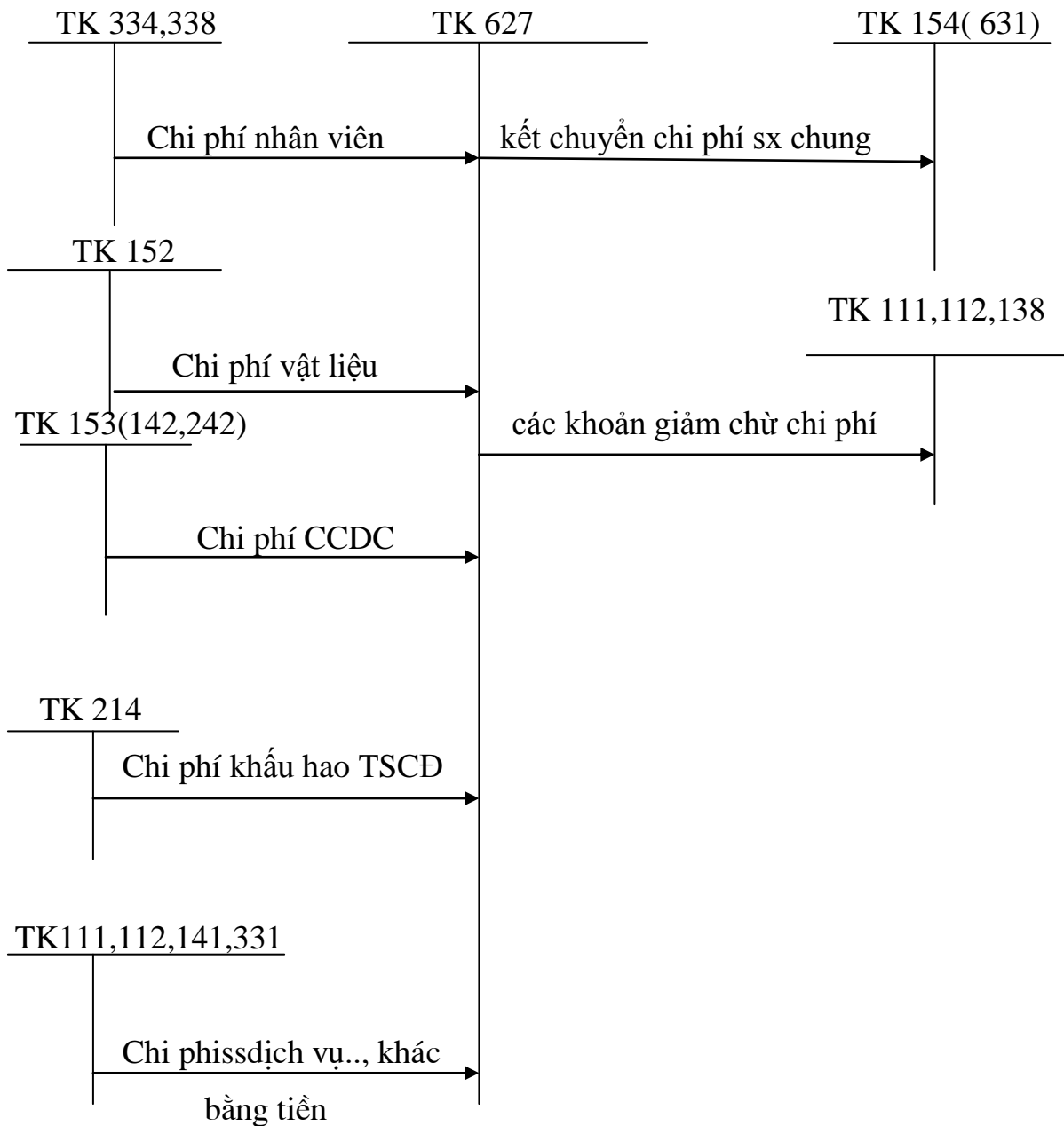
- Căn cứ vào các chứng từ có liên quan đến chi phí sx chung như chi tiền mặt, giấy thanh toán tạm ứng,...

❖ Cuối tháng, tập hợp toàn bộ chi phí sx chung để kết chuyển chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Nợ TK 154: Chi phí SXKD dở dang

Có TK 627: Chi phí sx chung

Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán thể hiện Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung như sau:



1.4.4. Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Sản phẩm dở dang là sản phẩm còn đang nằm trong quá trình sản xuất chế biến hay vẫn còn nằm trong dây chuyền sản xuất hoặc đã hoàn thành một số công đoạn. Để tính được giá thành sản phẩm trong kỳ thì kế toán phải xác định được giá trị sản phẩm dở dang. Việc tính giá thành sản phẩm còn phụ thuộc một phần vào việc đánh giá sản phẩm dở dang. Do vậy khi đánh giá sản phẩm dở dang thì phải xác định được mức độ hoàn thành của từng loại sản phẩm dở dang ở từng giai đoạn chế biến và vận dụng một số phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cho phù hợp.

1.4.4.1 Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sau khi đã hạch toán và phân bổ các loại chi phí sản xuất cuối cùng, các chi phí đó phải được tổng hợp lại để tính giá thành sản phẩm.

Tài khoản sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất là Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Nội dung tài khoản:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ

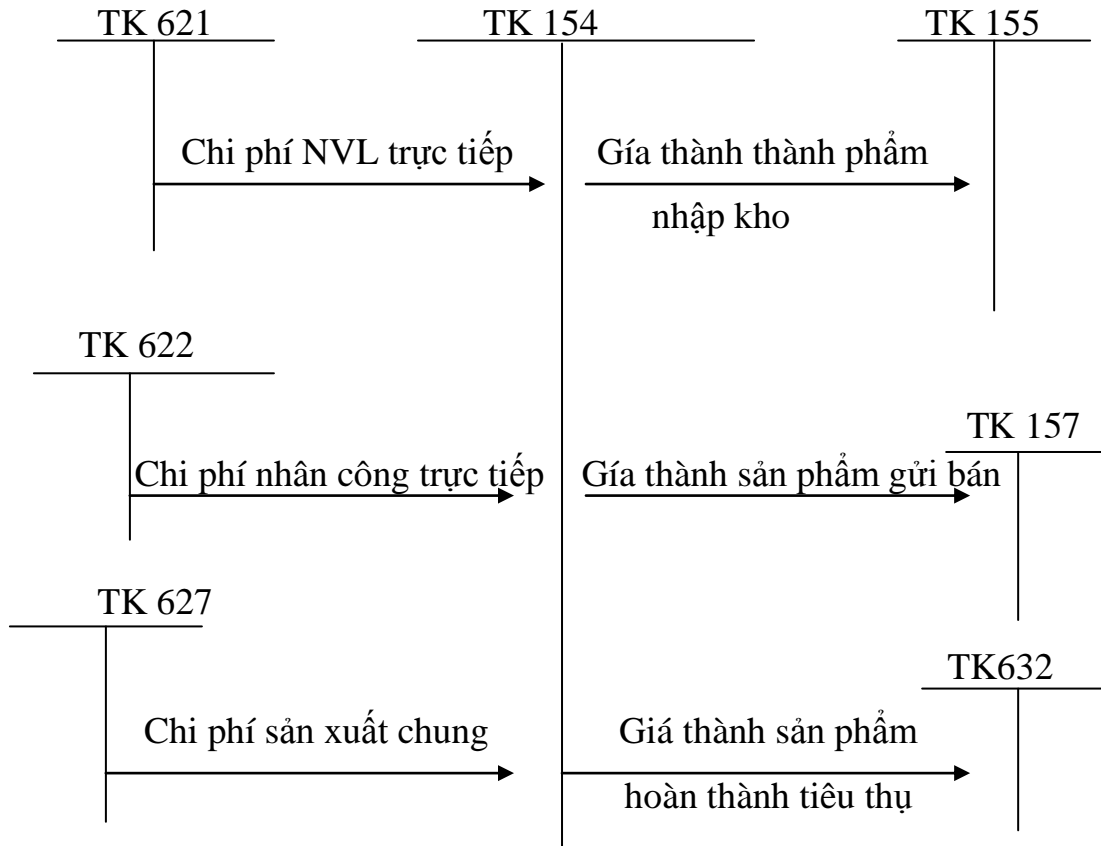
Bên Có: - Các khoản giảm chi phí sản xuất sản phẩm

- Tổng giá thành thực tế hay chi phí trực tiếp của sản phẩm hoàn thành

Dư Nợ: Chi phí thực tế của sản phẩm chưa hoàn thành

Tài khoản 154 được mở chi tiết theo từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm của các bộ phận sản xuất.

Sơ đồ 1.4: Phương pháp hạch toán được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.4.4.2 Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Để tổng hợp chi phí sản xuất trong trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất.

Nội dung Tài khoản:

Bên Nợ: Phản ánh trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến chế tạo sản phẩm

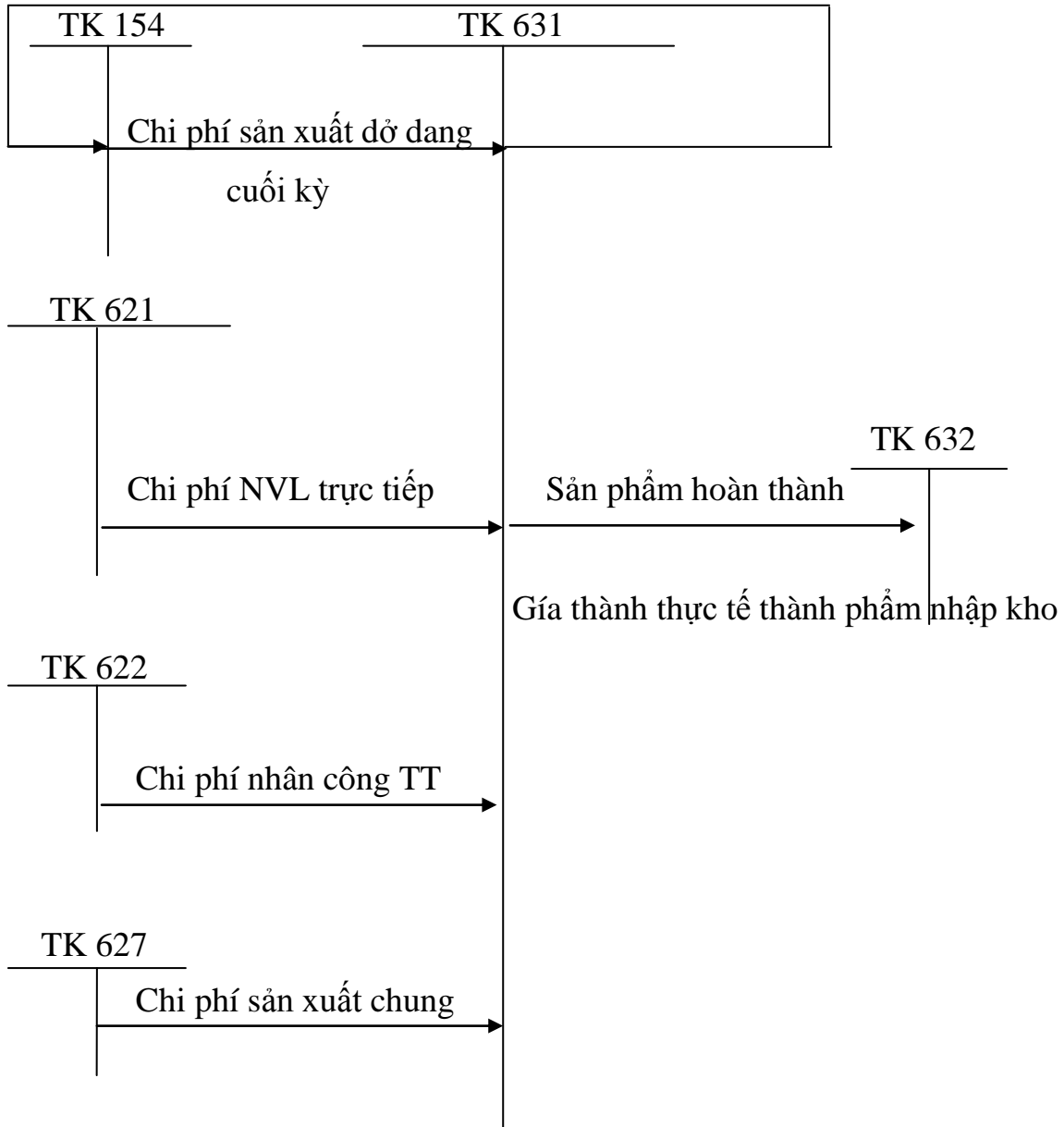
Bên Có: - Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành

Tài khoản 631 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí theo loại sản phẩm và bộ phận sản xuất.

Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán được thể hiện trong sơ đồ sau:

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ



1.5.Đánh giá sản phẩm làm dở

Sản phẩm làm dở là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất, chế tạo (đang nằm trong quá trình công nghệ sản xuất hoặc đã hoàn thành 1 vài bước chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến tiếp mới hoàn thành).

Toàn bộ chi phí sản xuất đã tập hợp được trong kỳ theo từng đối tượng đã xác định liên quan đến cả sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang. Để có thông tin phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm hoàn thành cũng như

phụ vụ yêu cầu quản lý, kiểm tra, kiểm soát chi phí, kế toán cần phải xác định số chi phí sản xuất đã bỏ ra có liên quan đến số sản phẩm chưa hoàn thành là bao nhiêu. Đó là việc đánh giá sản phẩm làm dở.

Như vậy, đánh giá sản phẩm dở dang là việc thanh toán, xác định phần chi phí sản xuất mà sản phẩm làm dở cuối kỳ phải chịu. Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang có thể được đánh giá theo 1 trong các phương pháp sau:

1.5.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này giá trị sản phẩm dở dang chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn chi phí khác (chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) tính cả cho sản phẩm hoàn thành.

Công thức:

$$Dck = \frac{Ddk + C}{Stp + Sd} \times Sd$$

Trong đó: Dck: Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

Ddk : Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

C: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong kỳ

Stp: Khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ

Sd: Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

Ưu điểm: phương pháp này tính toán đơn giản, dễ làm, xác định chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ được kịp thời, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm được nhanh chóng.

Nhược điểm: độ chính xác không cao vì không tính đến các chi phí chế biến khác.

Điều kiện áp dụng: phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ ít và biến động không lớn so với đầu kỳ.

1.5.2 Đánh giá sản phẩm làm dở theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo phương pháp này, phải tính toán tất cả các khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành của chúng. Do vậy, trước hết cần cung cấp khối lượng sản phẩm dở dang và mức độ chế biến của chúng để tính đổi khối lượng sản phẩm dở dang ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương. Sau đó, tính toán xác định từng khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục chi phí bỏ vào 1 lần ngay từ đầu quy trình sản xuất (như nguyên vật liệu chính trực tiếp, nguyên vật liệu trực tiếp) thì tính cho sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang như sau:

$$Dck = \frac{Dđk + C}{Stp + Sd} \times Sd$$

-Đối với các khoản mục chi phí bỏ dần trong quy trình sản xuất (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung)thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$Dck = \frac{Dđk + C}{Stp + S'd} \times S'd$$

Trong đó $S'd = Sd \times \% \text{ hoàn thành}$

C: Được tính theo tổng khoản mục phát sinh trong kỳ

Ưu điểm: phương pháp này tính toán được chính xác và khoa học hơn phương pháp trên.

Nhược điểm: khối lượng tính toán nhiều, việc đánh giá mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang khá phức tạp và mang tính chủ quan.

Điều kiện áp dụng: thích hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng chi phí sản xuất, khối lượng sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ biến động lớn.

1.5.3 Đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí định mức

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị sản

phẩm dở dang theo chi phí định mức

$\text{Chi phí sp dở dang CK} = \text{SL sp dở dang CK} \times \text{Chi phí định mức}$

Ưu điểm: tính toán nhanh chóng, thuận tiện, đáp ứng yêu cầu thông tin tại mọi thời điểm.

Nhược điểm: độ chính xác của kết quả tính toán không cao, khó áp dụng vì thông thường, khó xác định được định mức chuẩn xác.

Điều kiện áp dụng: thích hợp với những doanh nghiệp đã xây dựng được định mức chi phí hợp lý hoặc sử dụng phương pháp tính giá thành theo định mức.

1.5.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí biến đổi

Để đơn giản cho việc kiểm kê tính giá thành sản phẩm dở dang có khối lượng lớn, mức độ làm việc không đồng đều thì kế toán có thể giả định mức độ của sản phẩm dở dang là 50% để phân bổ chi phí chế biến cho mỗi một giai đoạn cho sản phẩm dở dang

1.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

1.6.1. Đối tượng tính giá thành

- *Khái niệm*

- Đối tượng tính giá thành sản phẩm là các loại sản phẩm mà DN đã sản xuất và hoàn thành đòi hỏi phải tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

- *Cơ sở tính giá thành.*

- Theo từng loại sản phẩm, đơn đặt hàng

- Đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán mở các phiếu tính giá thành cho từng đối tượng và phục vụ cho công tác phân tích tính giá thành sản phẩm trong kỳ. Là cơ sở để xây dựng kết quả kinh doanh của DN đối với từng loại sản phẩm.

1.6.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong DN sản xuất

Phương pháp tính giá thành là phương pháp sử dụng các số liệu mà kế toán đã tập hợp được để tính giá thành thực tế sản phẩm công việc đã hoàn thành theo khoản mục đã quy định và đối tượng tính giá thành. Việc tính giá thành sẽ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

được phản ánh trên các bảng biểu tính giá thành và qua đó ta thấy được phương pháp tính giá thành của công việc. Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành phải được xuất phát từ quy trình sản xuất tại DN, mối quan hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Nếu DN có quy trình công nghệ sản xuất đơn giản thì lên tính giá thành đơn giản.

Nếu DN sản xuất 1 loại sản phẩm có nhiều quy cách phẩm chất khác nhau thì sử dụng phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ hoặc hệ số.

Nếu DN tổ chức sản xuất hàng loạt theo từng đơn đặt hàng và theo từng loại hàng thì DN tính giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng.

1.6.2.1 Phương pháp tính giá thành giản đơn

Theo phương pháp này, đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp nhau, kỳ tính giá thành phù hợp kỳ báo cáo kế toán là hàng tháng. Kế toán căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp được kết quả hạch toán nghiệp vụ về khối lượng sản phẩm hoàn thành và dở dang để đánh giá sản phẩm dở dang, từ đó, tính giá thành sản phẩm theo công thức:

$$ZTT = Dđk + C - Dck$$

$$ztt = \frac{ZTT}{Sh}$$

Trong đó: Dđk: chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

C: tổng chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ

Dck: chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

ztt: giá thành đơn vị sản phẩm

Sh: khối lượng sản phẩm hoàn thành

Ưu điểm: tính toán nhanh, đơn giản, không đòi hỏi trình độ cao

Nhược điểm: phạm vi áp dụng hẹp

Điều kiện áp dụng: đối với những doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, có số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn.

1.6.2.2 Phương pháp tính giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng

Trong phương pháp này, mỗi đơn đặt hàng được mở một “Phiếu tính giá

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thành công việc” hay gọi là “Phiếu tính giá thành theo đơn đặt hàng”. Phiếu tính giá thành công việc được lập cho từng đơn đặt hàng khi phòng kế toán nhận được thông báo và lệnh sản xuất đã được phát ra cho công việc đó. Tất cả các phiếu tính giá thành công việc được lưu trữ khi sản phẩm đang sản xuất, chúng có tác dụng như các báo cáo sản phẩm sản xuất dở dang khi sản phẩm hoàn thành và giao cho khách hàng, các phiếu tính giá thành công việc được cung cấp từ khâu sản xuất sang khâu thành phẩm.

Mẫu phiếu tính giá thành công việc

Doanh nghiệp

Tên khách hàng Địa chỉ Ngày đặt hàng.....

Loại sản phẩm Ngày bắt đầu sản xuất

Mã số công việc Ngày hẹn giao hàng.....

Số lượng sản xuất Ngày hoàn tất

Ngày tháng	Phân xưởng sản xuất	Nguyên vật liệu trực tiếp		Nhân công trực tiếp		Chi phí sản xuất chung		Tổng chi phí
		C.từ	Số tiền	C.từ	Số tiền	C.từ	Số tiền	
	T.chi phí T.gía thành							
	gđđv							

1.6.2.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm phân bước

Phương pháp này áp dụng đối với những doanh nghiệp sản xuất kiểu chế biến liên tục, quy trình công nghệ gồm nhiều bước kế toán với một trình tự nhất định, khi kết thúc 1 giai đoạn công nghệ có bán thành phẩm hoàn thành được cung cấp sang chế biến ở giai đoạn công nghệ tiếp theo.

Đối tượng tính giá thành ở những doanh nghiệp này là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Do vậy có 2 phương án:

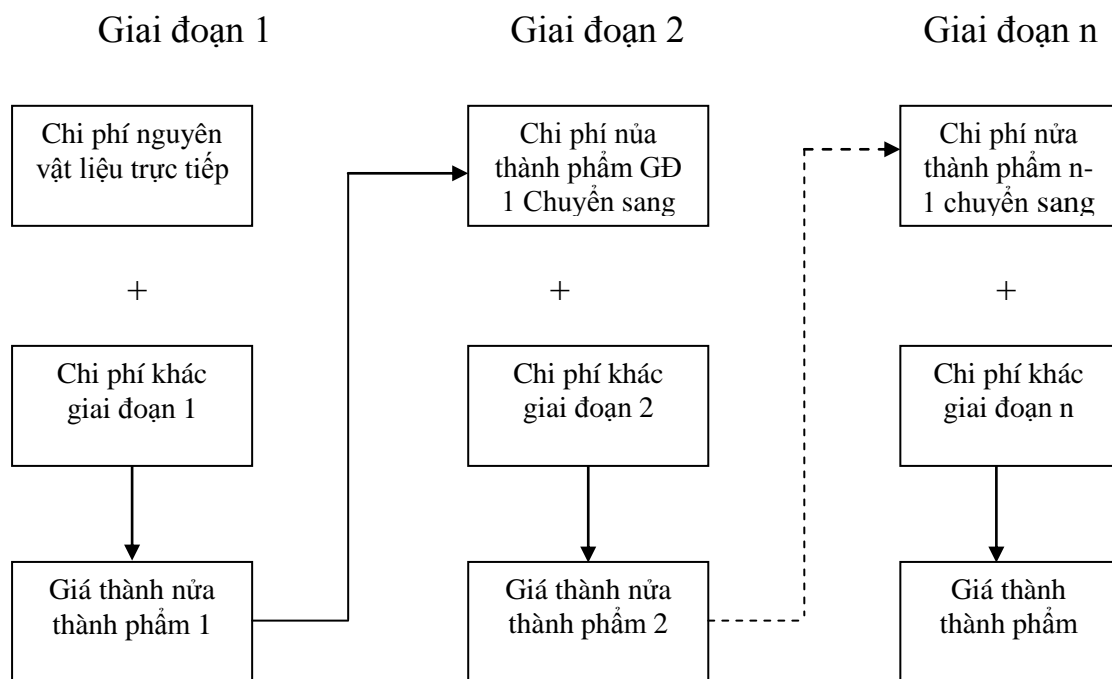
1.6.2.3.4 Phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành nửa thành phẩm

Trước hết, kế toán căn cứ vào chi phí sản xuất của từng giai đoạn đầu tiên

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

để tính giá thành nửa sản phẩm của giai đoạn 1. Sau đó, xác định chi phí sản xuất giai đoạn 1 chuyển sang cho giai đoạn sau cùng với chi phí sản xuất của bản thân giai đoạn đó, tổ chức tính giá thành nửa thành phẩm của giai đoạn này, cứ kế tiếp liên tục. Như vậy, cho đến giai đoạn cuối cùng sẽ tính được giá thành của thành phẩm. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau có thể được thực hiện tuần tự từng khoản mục chi phí hoặc tuần tự tổng hợp chung cho tất cả các khoản mục chi phí.

Sơ đồ 1.6: Quy trình tính giá thành có tính giá thành nửa thành phẩm được khái quát qua sơ đồ sau



Theo phương pháp này, kế toán có thể tính được giá thành nửa thành phẩm tự chế ở mỗi giai đoạn công nghệ sản xuất, điều này thuận tiện cho việc tính toán kinh tế có hiệu quả ở từng giai đoạn phân xưởng, tổ đội sản xuất. Mặt khác, khi có nửa thành phẩm bán ra ngoài doanh nghiệp có cơ sở để tính giá vốn hàng bán, quyết định giá bán và xác định kết quả kinh doanh.

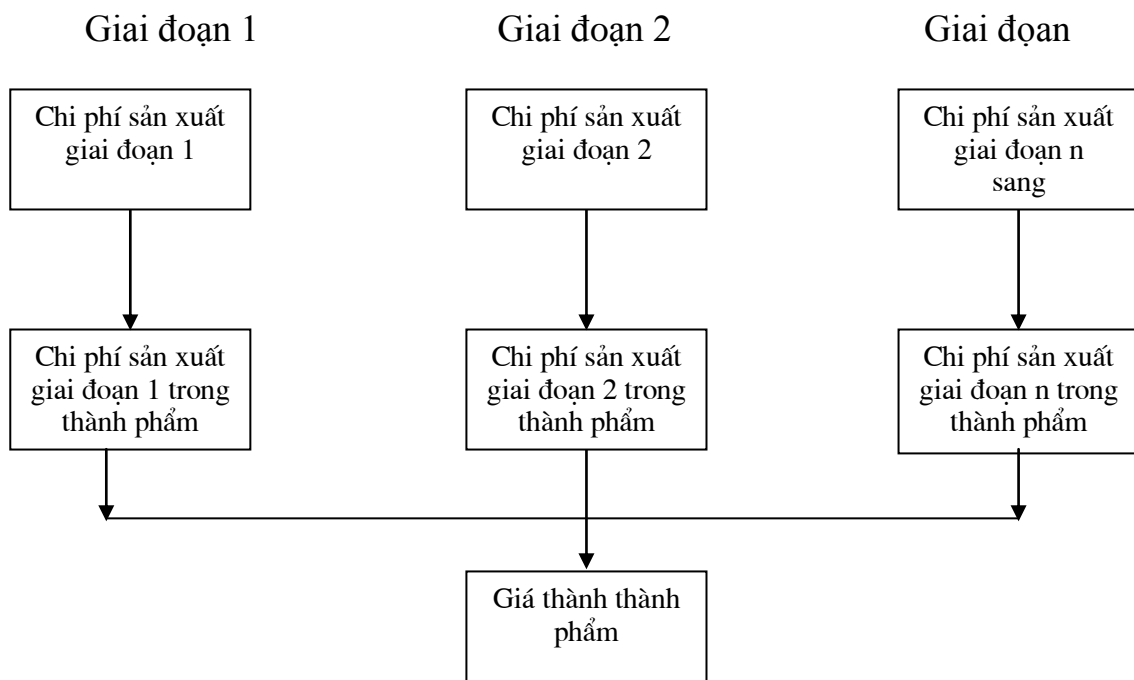
Phương pháp này áp dụng với những doanh nghiệp có yêu cầu hạch toán cao, có quy trình công nghệ phức tạp, nửa thành phẩm tự chế cũng là hàng hoá.

1.6.2.3.2. Phương pháp tính giá thành phân bước không tính giá thành nửa thành phẩm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối tượng tính giá thành là thành phẩm, không cần tính giá thành nửa thành phẩm từng giai đoạn. Nhưng, để sản xuất sản phẩm ở từng giai đoạn cuối cùng trong giá thành của thành phẩm sẽ chứa đựng chi phí sản xuất của tất cả các giai đoạn trong doanh nghiệp. Vì vậy, trong trường hợp này, kế toán phải căn cứ vào chi phí sản xuất của giai đoạn đã tập hợp được để xác định phần chi phí của từng giai đoạn có trong giá thành của thành phẩm, sau đó tổng hợp lại và tính được giá thành thành phẩm.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ tính giá thành thành phẩm có thể khái quát như sau



$$\begin{aligned} \text{Chi phí sx gđvị} & \quad \text{Cpsx dở đk} + \text{Cpsx trong kỳ} - \text{Cpsx dở ck} \\ \text{trong thành phẩm} & = \frac{\quad}{\text{Sp hoàn thành gđ cuối} + \text{Sp dở dang cký gđ1}} \times \text{Thành phẩm} \end{aligned}$$

Phương pháp này tính toán giá thành nhanh, chính xác nhưng do không tính giá thành nửa thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ nên không phân tích được hiệu quả sản xuất kinh doanh, không có được số liệu để kế toán nửa thành phẩm trong trường hợp có sản phẩm nhập kho.

Điều kiện áp dụng: sử dụng cho các doanh nghiệp chế biến phức tạp, liên tục và đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở bước công nghệ cuối cùng.

1.6.2.4. Phương pháp tính giá thành theo định mức

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ ổn định, có hệ thống các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, dự toán chi phí tiên tiến, hợp lý thì áp dụng phương pháp này có tác dụng lớn trong việc kiểm tra tình hình thực hiện định mức dự toán chi phí sản xuất, tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hay lãng phí chi phí sản xuất. Ngoài ra, còn giảm bớt khối lượng ghi chép tính toán của kế toán nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra.

= Giá thành định mức \pm Chênh lệch do thay đổi định mức \pm Chênh lệch do thoát ly định mức

Trong đó:

Giá thành định mức được căn cứ trên các định mức kinh tế, kỹ thuật hiện hành để tính cho bộ phận chi tiết cấu thành hoặc cho thành phẩm tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Chênh lệch do thay đổi định mức = (Định mức cũ - Định mức mới)
 \times Sản phẩm làm dở đầu kỳ

Chênh lệch do thoát ly định mức : là số chất lượng do tiết kiệm vượt chi

Chênh lệch do thoát ly định mức = Chi phí thực tế - Chi phí định mức
(theo từng khoản mục)

1.6.2.5. Phương pháp tính giá thành theo hệ số.

Theo phương pháp này thì đối tượng chi phí là tất cả quy trình công nghệ sản xuất còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm do quy trình công nghệ đó sản xuất hoàn thành. Phương pháp này căn cứ vào đặc điểm kinh tế kỹ thuật của sản phẩm để đặt cho mỗi loại sản phẩm một hệ số trong đó chọn sản phẩm tiêu chuẩn là hệ số 1. Sau đó căn cứ vào từng loại sản phẩm và hệ số giá thành đã quy định để quy đổi hệ số của từng loại sản phẩm theo sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn.

$$\text{Tổng SL thực tế quy đổi ra SL sp tiêu chuẩn} = \sum_1^n S_i \times H_i$$

Trong đó: S_i : Sản lượng thực tế của sản phẩm

H_i : Hệ số quy đổi cho sản phẩm

$$Z \text{ thực tế sp} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của sp}}{\text{Tổng sp thực tế quy đổi ra sp tiêu chuẩn}} \times \text{Số lượng sp quy đổi}$$

1.6.2.6. Phương pháp tỷ lệ chi phí

Phương pháp này thường áp dụng với những DN sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất khác nhau. Để giảm bớt khối lượng công tác hạch toán, kế toán thường tập hợp chi phí theo từng loại sản phẩm cùng loại.

Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí thực tế và chi phí sản xuất kế hoạch hoặc định mức kế toán tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm của từng loại.

$$\begin{aligned} Z \text{ sản phẩm từng loại} &= Z_{KH}(\text{định mức từng loại}) \times \text{hệ số chi phí} \\ \text{Hệ số chi phí} &= \frac{\text{Tổng chi phí sx thực tế của tất cả loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành KH(định mức) của các loại sản phẩm}} \end{aligned}$$

1.6.2.7. Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này thường áp dụng với những DN sản xuất trong ngành Nông nghiệp, chế biến,..

$$\begin{aligned} Z_{\text{đơn vị}} \\ \text{sp chính} &= \frac{CP \text{ sx dd đầu kỳ} + \text{Tổng ps trong kỳ} - CP \text{ sx dd cuối kỳ} - \text{giá trị sp phụ}}{\text{Tổng sản phẩm chính}} \end{aligned}$$

1.7. Tổ chức sổ kế toán tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

Trong các loại hình DN, do quy mô lớn nhỏ khác nhau nên hình thức kế toán tại các DN cũng khác nhau. Với mỗi hình thức kế toán lại áp dụng những loại sổ tổng hợp khác nhau. Sổ tổng hợp là loại sổ được sử dụng để ghi các hoạt động kế toán mang tính chất liên quan đến TK kế toán tổng hợp. Tùy thuộc vào hình thức đó để căn cứ vào những thông tin kế toán có thể hiểu một cách chính xác đầy đủ và kịp thời tình hình tài chính của DN và từ đó đưa ra những quyết định hợp lý.

Sau đây là một số hình thức hạch toán kế toán được áp dụng ở các DN hiện nay

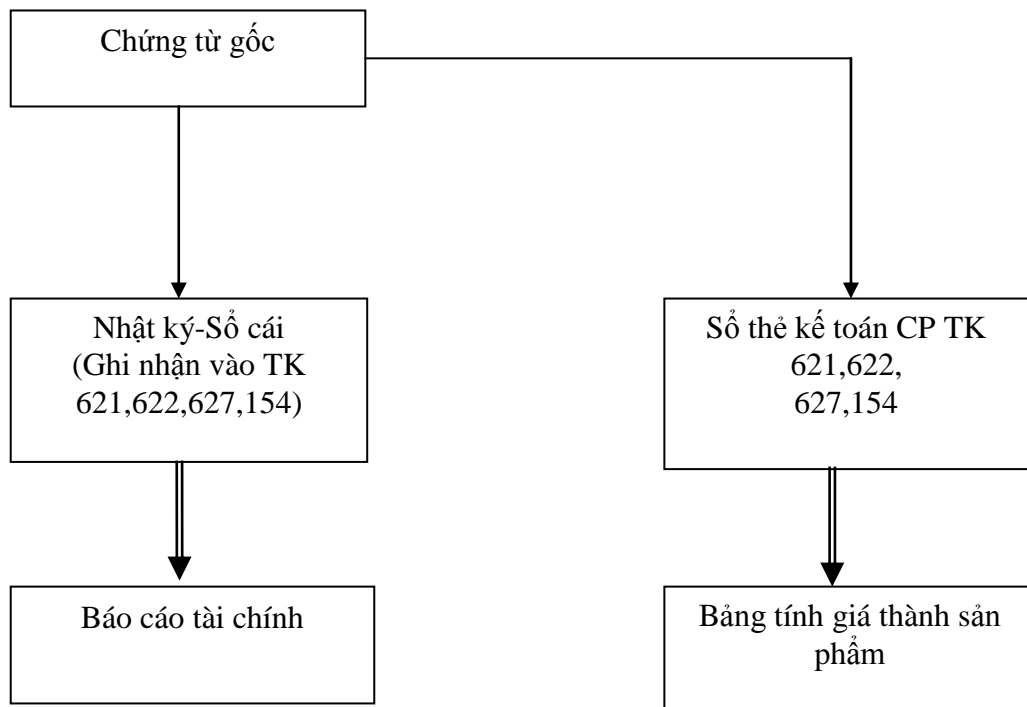
1.7.1. Kế toán chi phí sản xuất & tính giá thành sản phẩm theo hình thức

Nhật ký- Sổ cái

•*Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Các loại sổ chủ yếu:*
 - Nhật ký - Sổ cái;
 - Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán Chi phí sx & tính giá thành sản phẩm.



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- ====> Nhập số liệu hàng ngày
- > Đối chiếu kiểm tra

1.7.2. Kế toán hạch toán chi phí sx & tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chứng từ.

- *Đặc trưng cơ bản:*
 - Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

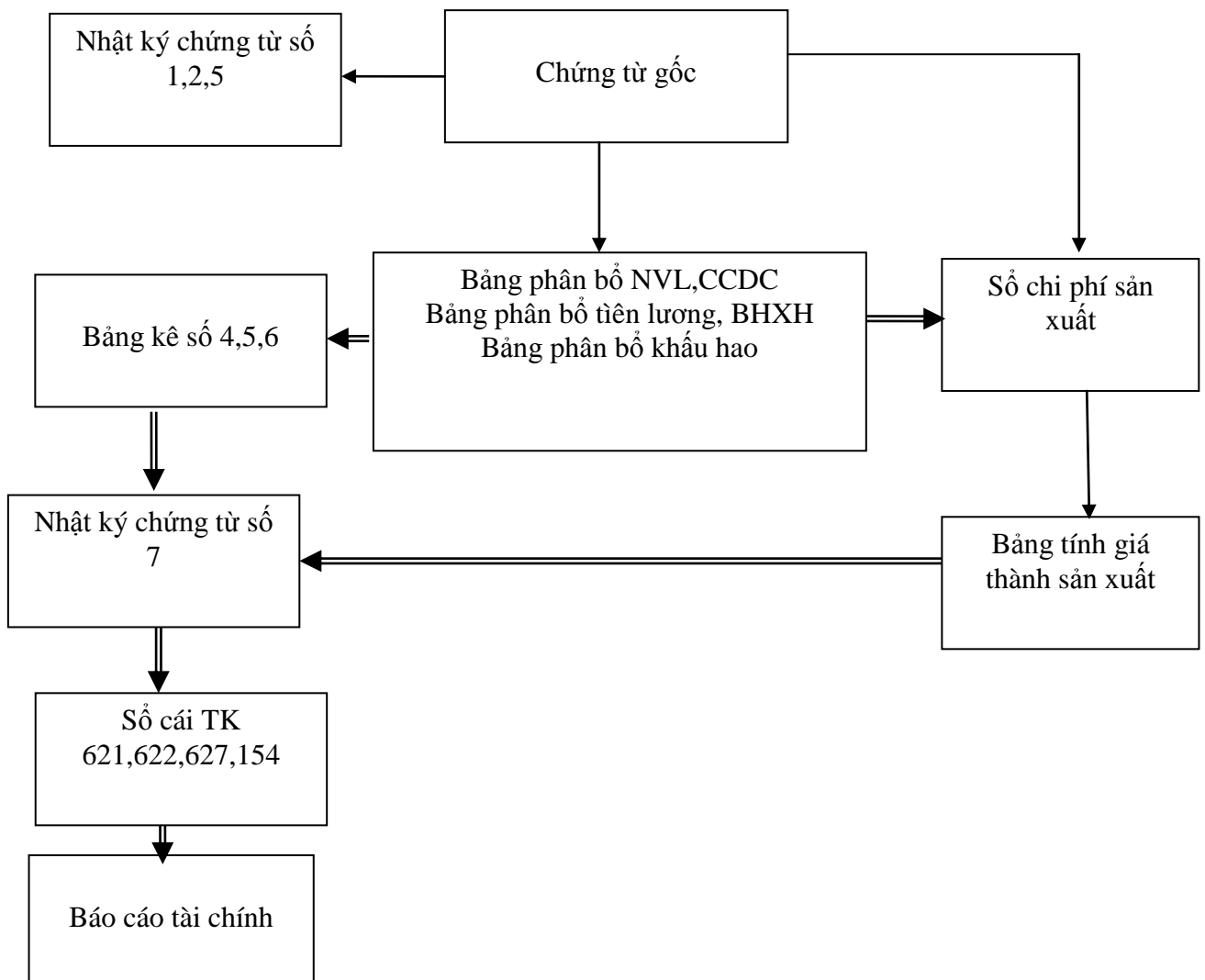
các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

• Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sx & tính giá thành sản phẩm



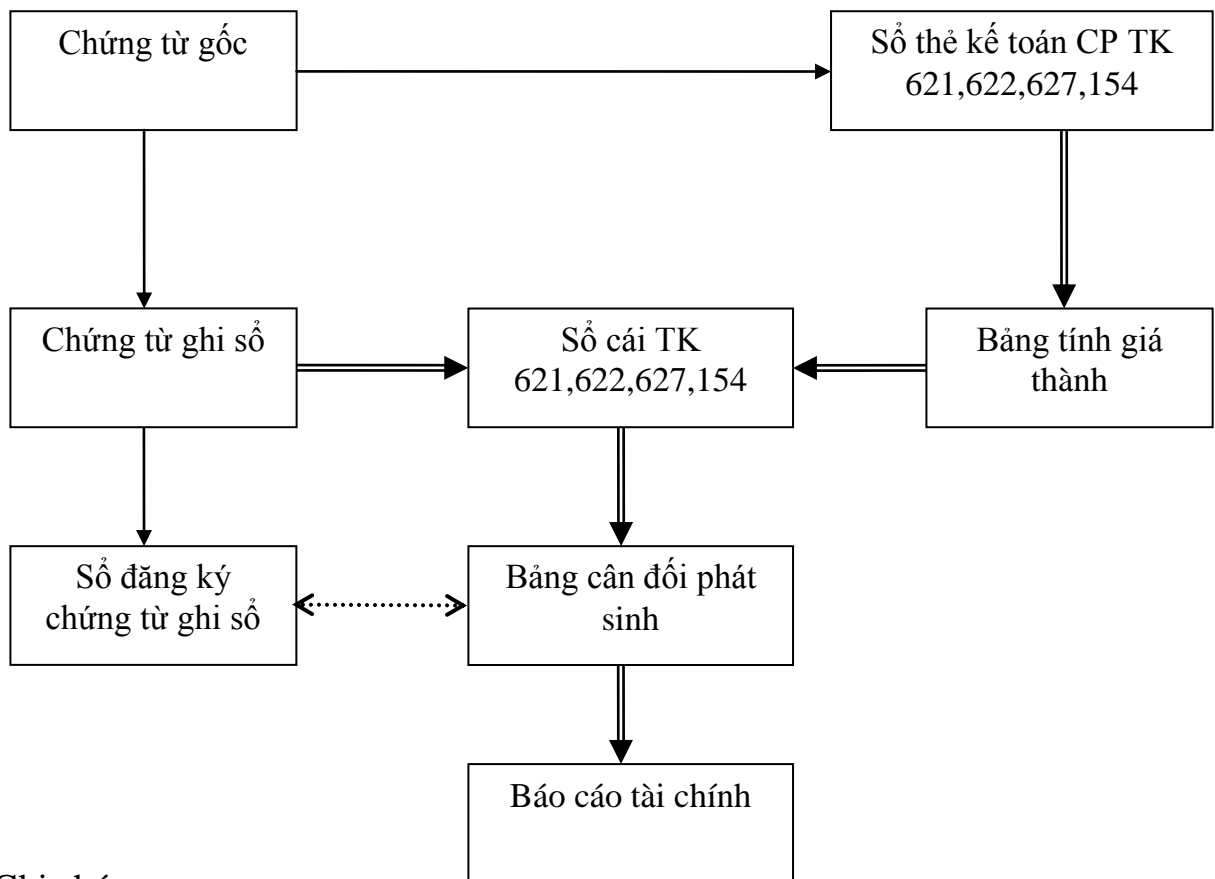
Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- > Nhập số liệu hàng ngày
- <-----> Đối chiếu kiểm tra

1.7.3. Kế toán hạch toán chi phí sx & tính giá thành sản phẩm theo hình thức chứng từ ghi sổ

- *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là " Chứng từ ghi sổ ".
- *Các loại sổ chủ yếu:*
 - Chứng từ ghi sổ;
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - Sổ cái;
 - Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sx & tính giá thành sản phẩm



Ghi chú:

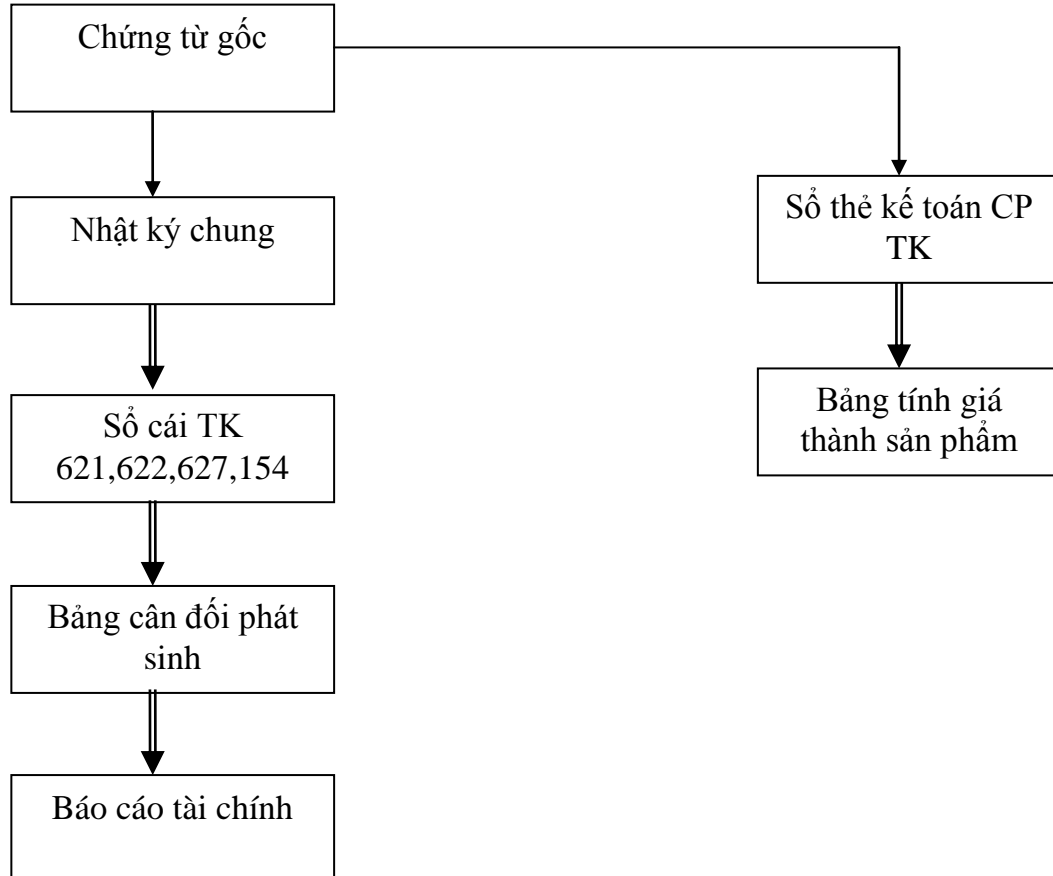
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- > Nhập số liệu hàng ngày
- <-----> Đối chiếu kiểm tra

1.7.4. Kế toán hạch toán chi phí sx & tính giá thành sp theo hình thức Nhật ký chung

• *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- *Các loại sổ chủ yếu:*
 - Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
 - Sổ cái;
 - Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ chi phí sx & tính giá thành sản phẩm



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- > Nhập số liệu hàng ngày
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

1.7.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

- *Đặc trưng cơ bản:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

- *Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- * *Trình tự ghi sổ:*

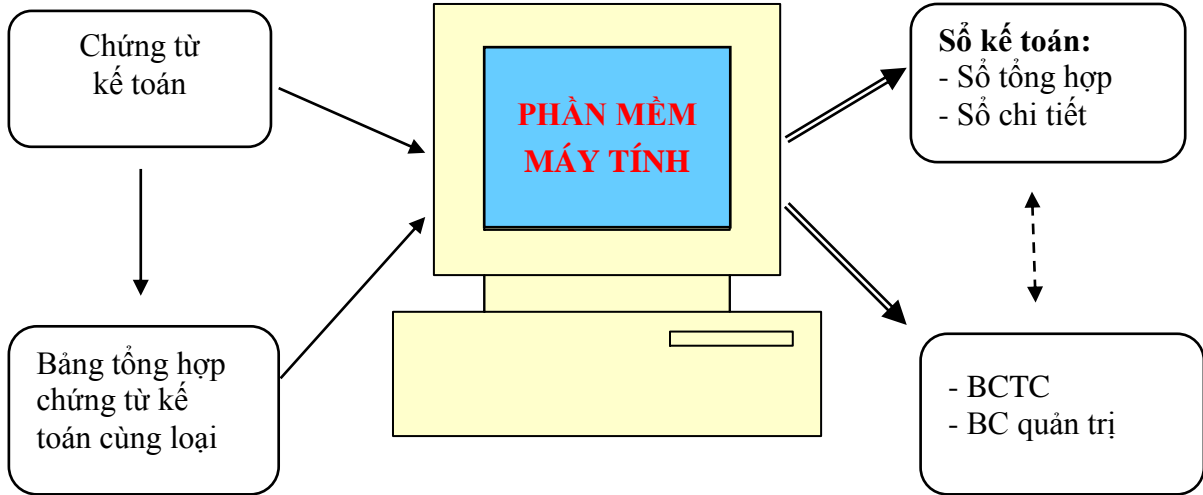
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp. Sổ cái hoặc nhật ký- Sổ cái...và các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, hoặc vào thời điểm cần thiết nào, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo đúng thông tin đã được nhập trong kỳ.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- > Nhập số liệu hàng ngày
- ←- - - -> Đối chiếu kiểm tra

CHƯƠNG 2

**THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VIC**

2.1 Đặc điểm chung của công ty

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương mại VIC
- Đơn vị quản lý: UBND TP.Hải Phòng
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Nguyễn Hữu Lợi
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
- Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng.

- Tel: 031.742976 Fax: 031.742978

- Lĩnh vực hoạt động:

- a. Đại lý mua bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tư liệu tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm, lương thực
- b. Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- c. Dịch vụ vận tải, tiếp nhận hàng hoá.
- d. Nuôi trồng thuỷ sản.
- e. Chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ, đồ uống, lương thực, gia vị.
- f. Kinh doanh thuốc thú y
- g. Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hoá đường bộ.

- **Các chi nhánh, VPĐD của Công ty hiện nay gồm có:**

a) Các chi nhánh:

- ***Nhà máy Thực phẩm gia súc cao cấp Con Heo Vàng Hải Phòng***

Điện thoại: (031)3742976

Fax: (031)3742978

- ***Nhà máy Thực Phẩm gia súc Con Heo Vàng Nghệ An***

Điện thoại: (038)3791279

Fax: (031)3791277

- ***Nhà máy Thực Phẩm gia súc Con Heo Vàng Quy Nhơn***

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điện thoại: (056)941069

Fax: (056)941595

- Nhà máy Thực Phẩm gia súc Con Heo Vàng Đông Tháp

Điện thoại: (067)764729

Fax: (067)764678

- Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại VIC tại Hà Nội

Điện thoại: (049)561946

Fax: (049)561946

- Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại VIC tại Nam Định

Điện thoại: (0350)3671153

Fax: (0350)3671148

b) Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện tại Thanh Hoá Công ty tại Thanh Hoá

Địa chỉ: Số 681, đường Nguyễn Trãi, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Điện thoại: (037)940390

Fax: (037)940390

2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý

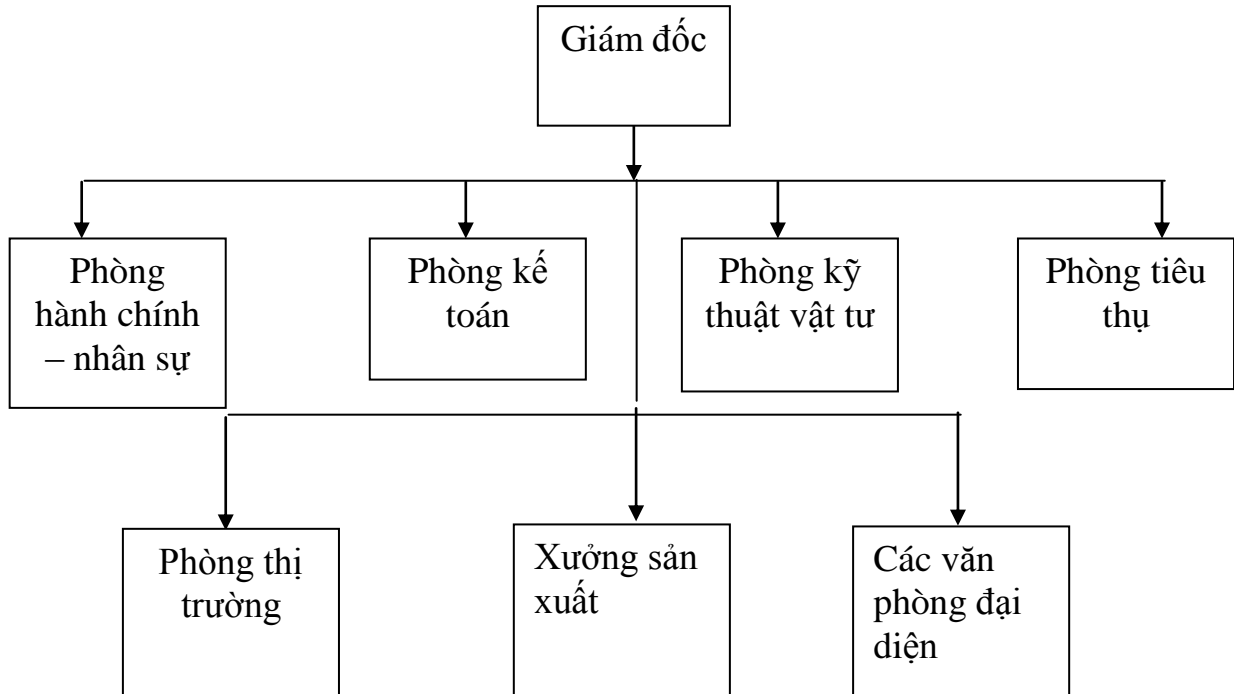
2.1.1.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Thương Mại VIC hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

- a. Đại lý mua bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tư liệu tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm, lương thực
- b. Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- c. Dịch vụ vận tải, tiếp nhận hàng hoá.
- d. Nuôi trồng thuỷ sản.
- e. Chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ, đồ uống, lương thực, gia vị.
- f. Kinh doanh thuốc thú y
- g. Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hoá đường bộ.

2.1.1.2- Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại vic.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



❖ **Chức năng của từng bộ phận**

- Giám đốc Công ty: Là người đứng đầu Công ty, đại diện cho Công ty trước pháp luật, trực tiếp điều hành, đề ra các chiến lược phát triển cho Công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Là người trực tiếp tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế, lựa chọn và đề ra các quyết định phương án kinh doanh làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

- Phòng hành chính nhân sự: Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động, tính lương thưởng cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, phôtô, lưu trữ, đảm bảo văn hoá Công ty(trang phục, nề nếp làm việc)và các công tác hành chính khác.

- Phòng tài chính kế toán: Có nhiệm vụ thu nhập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...

- Phòng kỹ thuật vật tư: Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các quy trình khảo nghiệm.

- Phòng tiêu thụ: Phòng có chức năng tổ chức và giám sát việc tiêu thụ sản phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ tới các hộ gia đình, giám sát và đơn đốc việc tiêu thụ của các đại lý cấp I.

- Phòng thị trường: Tiến hành nghiên cứu đánh giá mở rộng thị trường. Xây dựng các kế hoạch thị phần, thị trường, mở rộng công tác tiêu thụ.

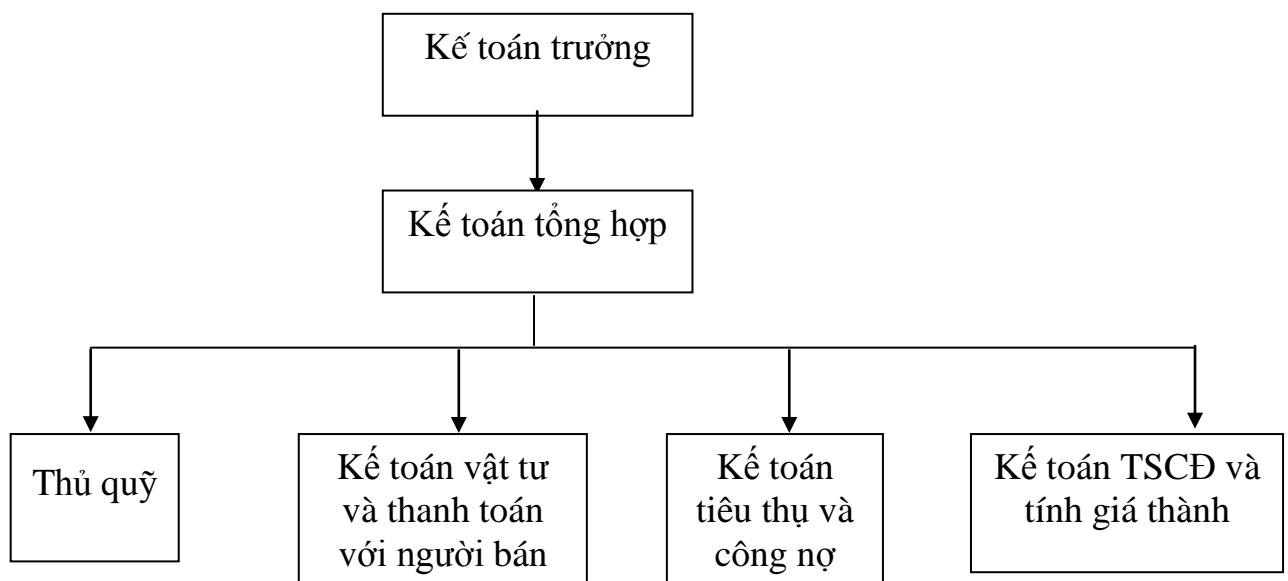
- Phân xưởng sản xuất: Nơi trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm theo kế hoạch đã đề ra. Người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tại phân xưởng là quản đốc phân xưởng, dưới là các phó quản đốc tổ KCS, tổ trưởng các máy và công nhân.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại VIC

2.1.2.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương Mại VIC

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán ghi nhận và sử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



* Nhiệm vụ

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng: Có chức năng giám sát mọi hoạt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHKT, KPCĐ, BHYT với các cán bộ công nhân trong toàn Công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của Công ty.

- Kế toán tổng hợp: Tổng hợp số liệu, giám sát đơn đốc kế toán phân hành.

- Kế toán nguyên vật liệu kiêm kế toán thanh toán với người bán. Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho nguyên liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp. Các tài khoản dự dụng 152 (mở chi tiết tới từng nguyên vật liệu), Tk 331...

- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

- Kế toán TSCĐ kiêm kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, đồng thời tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

- Thủ quỹ: Đảm bảo các hoạt động quản lý và chi trả tiền trong các hoạt động giao dịch của công ty.

2.1.2.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Thương mại VIC

- Đối với công ty *TNHH Thương Mại VIC* thì căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ kế toán cũng như về trang thiết bị kỹ thuật cho phòng kế toán. Chính vì vậy, công tác kế toán tại Công ty *TNHH Thương mại VIC* được thực hiện hoàn toàn trên máy tính, kế toán chỉ cần nhập số liệu từ các chứng từ ban đầu, máy tính sẽ tự động chạy lên các sổ theo chương trình đã được cài đặt sẵn. Chương trình phần mềm kế toán công ty đang sử dụng là phần mềm kế toán *EFFECT* và được cài đặt theo hình thức Nhật ký chung

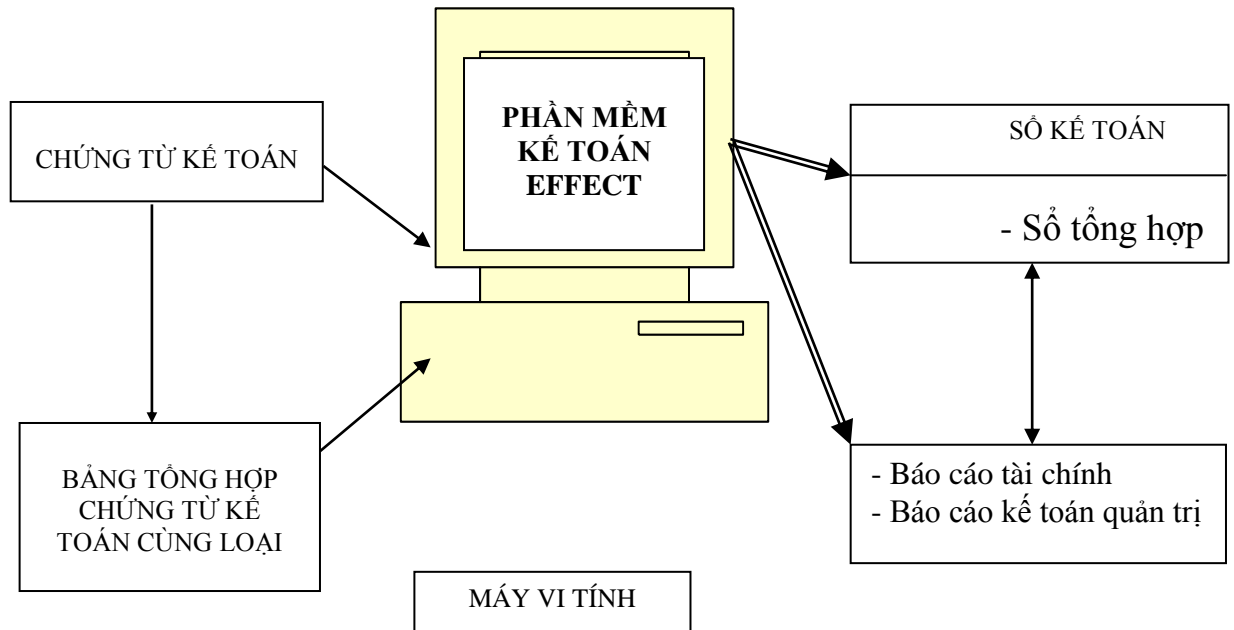
- Theo hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung

- + Sổ cái

- + Sổ thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký chung...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra

giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

2.1.2.3 Một số chính sách kế toán tại công ty TNHH Thương mại đang áp dụng

❖ Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

- Hình thức ghi sổ được áp dụng tại công ty là hình thức nhật ký chung. Ngoài ra công ty đã đầu tư hệ thống máy vi tính và hệ thống phần mềm kế toán trang bị cho phòng tài vụ góp phần tạo thuận lợi cho việc xử lý và lưu trữ thông tin trong công tác kế toán.

- Theo hình thức nhật ký chung hệ thống sổ kế toán công ty sử dụng bao gồm 2 loại sổ đó là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được mở cho các tài khoản cấp I được theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý của công ty.

- Đây là hình thức rất thuận tiện cho việc áp dụng trong kế toán máy. Hiện nay công ty đang áp dụng kế toán máy cho các công tác kế toán vì thế công việc được thuận tiện rất nhiều.

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

- Đơn vị tính: Đồng

❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho được xác định theo giá gốc.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho, công ty áp dụng theo hình thức kê khai thường xuyên.

- Phương pháp hạch toán hàng xuất kho theo phương pháp bình quân ra quyền cả kỳ dự trữ.

❖ Phương pháp kế toán TSCĐ

- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ theo trị giá gốc.

- Phương pháp khấu hao, thời gian sử dụng, tỷ lệ khấu hao TSCĐ HH,

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TSCĐ VH, khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được xác định phù hợp với quy định Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành

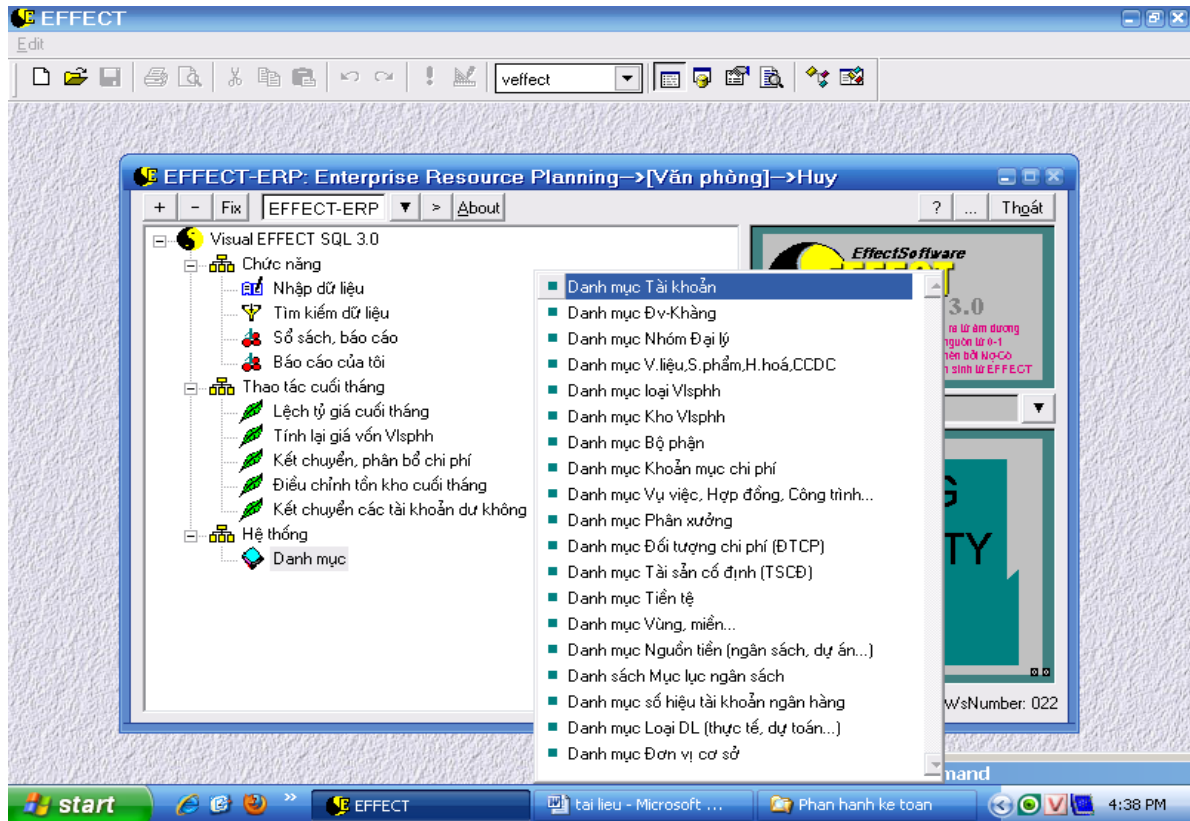
$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{NG TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao bq}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao năm} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng}}$$

❖ Phương pháp kê toán thuế

Công ty đã tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán



2.2. Thực tế tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Công ty TNHH Thương Mại VIC là đơn vị sản xuất chế biến và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và một số sản phẩm khác, chi phí sản xuất chủ yếu là nguyên vật liệu (thóc hạt, ngô hạt, bột cá, khô đậu, bột thịt...) phụ tùng phục vụ cho máy móc. Phân loại chi phí tại Công ty áp dụng theo cách phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố (chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công, chi phí sản

xuất chung). Cách phân loại này phù hợp với đặc thù ngành sản xuất của Công ty, giúp cho quá trình tập hợp và quản lý chi phí đạt hiệu quả cao.

Việc xuất và nhập kho sản phẩm được diễn ra liên tục, tuy nhiên để đáp ứng được nhu cầu quản lý và hiệu quả của chỉ tiêu đánh giá, công ty xác định kỳ tính giá thành là hàng tháng theo sản phẩm. Việc xác định như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán tập hợp chi phí sx và tính giá thành sản phẩm của công ty, đảm bảo tính giá thành sp kịp thời nhanh chóng, cung cấp thông tin cho lãnh đạo trong công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

❖ **Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:**

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của Công ty TNHH Thương Mại VIC là phân xưởng sản xuất. Kế toán dùng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp đối với tất cả các loại chi phí.

Việc tập hợp chi phí được tiến hành theo các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

❖ **Đối tượng tính giá thành sản phẩm:**

Để phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất, Công ty đã xác định đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm thức ăn gia súc khác nhau.

Việc xuất và nhập kho sản phẩm được diễn ra liên tục, tuy nhiên để đáp ứng được nhu cầu quản lý và hiệu quả của chỉ tiêu đánh giá, Công ty xác định kỳ tính giá thành là hàng tháng. Việc xác định như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty, đảm bảo tính giá thành sản phẩm kịp thời nhanh chóng, cung cấp thông tin cho lãnh đạo trong công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Do điều kiện có hạn nên em chỉ chuyên đi sâu phân tích một loại sản phẩm là sản phẩm thức ăn gia súc ông tiên.

2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí NVL trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí về nguyên liệu, vật liệu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

như: ngô hạt, thóc hạt, bột cá, bột thịt... để sản xuất ra thức ăn gia súc ông tiên. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng khoảng 85% trong tổng giá thành sản xuất do đó việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác quản lý chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

❖ Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Khi mua nguyên vật liệu, phòng vật tư nhập kho được làm thành 3 Liên:

Liên 1: Lưu tại kho vật tư

Liên 2: Đưa cho người bán làm thủ tục thanh toán

Liên 3: Thủ kho giữ lại vào thẻ kho (ghi số lượng). Định kỳ gửi lên phòng kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu theo từng loại vật liệu.

Giá thực tế nguyên vật liệu, hàng hoá mua vào được tính theo giá gốc như sau:

			Các khoản		Chiết khấu			
Trị giá	Trị giá thực	CF mua	thuế		thương mại,			
hàng mua	=	tế ghi trên	+	thực tế	+	không	-	giảm giá hàng
vào		hóa đơn	+	phát sinh	+	được hoàn	-	mua được
					lại			hưởng

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu sản xuất thực tế và định mức tiêu hao vật liệu, cán bộ phòng kỹ thuật ghi danh mục vật tư cần lĩnh về số lượng, quy cách phẩm chất cho từng loại nguyên vật liệu. Sau đó danh mục này được chuyển sang phòng vật tư để làm thủ tục xuất kho nguyên vật liệu. Phiếu xuất kho do phòng vật tư lập làm 3 liên. Liên 1 được lưu ở phòng Vật tư, 2 liên còn lại chuyển xuống kho. Thủ tục căn cứ vào phiếu xuất kho đồng thời kiểm tra vật tư tồn kho để giao vật tư cho người nhận rồi ghi vào cột thực xuất và ký tên trên phiếu xuất kho. Khi viết phiếu xuất kho thủ kho không được ghi giá trị xuất kho nguyên vật liệu xuất dùng, cuối kỳ sau khi tính giá bình quân nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ, thủ kho mới ghi giá trị xuất của nguyên vật liệu. Liên 3 thủ kho giữ lại và gửi liên 2 cho phòng kế toán để làm căn cứ nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Cuối tháng máy tính sẽ tự động khóa sổ kế toán và in ra Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 621, Sổ chi tiết TK 621 theo từng sản phẩm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trị giá nguyên vật liệu thực tế xuất dùng được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân NVL} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{NVL xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{đơn vị bình quân} \end{array}$$

- *Tài khoản sử dụng*

Công ty TNHH Thương Mại VIC đã sử dụng tài khoản 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí NVL trực tiếp dùng cho sản xuất.

Hiện nay, công ty đang sử dụng tài khoản cấp 2 của TK 621- Chi phí NVL trực tiếp

- + TK 6211: Chi phí NVL TT cho TĂGS OT
- + TK 6212: Chi phí NVL TT cho TĂGS CHV
- + TK 6213: Chi phí NVL TT cho HH CUM...

.....
.....

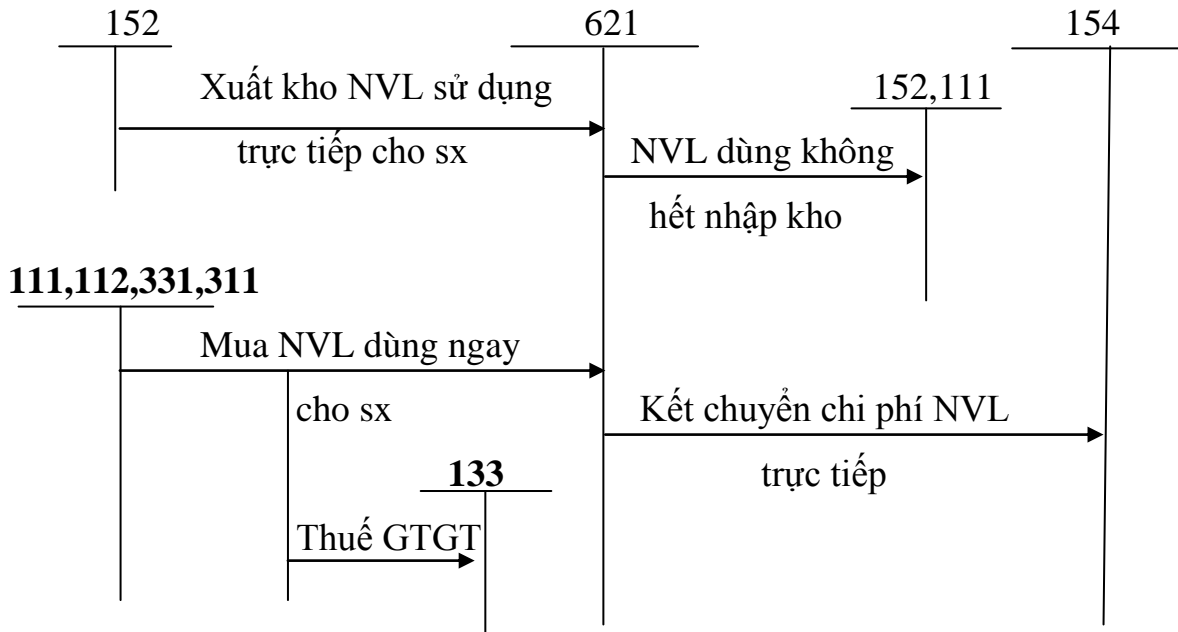
- *Chứng từ sử dụng.*

Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp, kế toán sử dụng các chứng từ sau:

- + Hoá đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu xuất kho
- + phiếu nhập kho
- + Các chứng từ khác có liên quan (Báo cáo vật tư tồn kho...)

• Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.1: Hạch toán chi phí NVL TT theo phương pháp kê khai thường xuyên:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Ví dụ:* ngày 05/08/2011 mua 21.250 kg thóc hạt cho phân xưởng sản xuất để sản xuất sản phẩm TĂGS OT

Công ty TNHH thương mại VIC

Mẫu số 01-VT

Khu CN vĩnh niệm- Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU NHẬP KHO

Số 1001

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

- Tên người giao hàng: Trần Thanh Phong

- Nhập tại kho:

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thóc hạt	TH	Kg		121.250	6.150	745.687.500
	Cộng	×	×	×	×	×	745.687.500

- Tổng số tiền (bằng chữ): bảy trăm bốn mươi năm triệu đồng sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn./.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 1

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Người giao

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng TC-KT- Công ty TNHH thương mại VIC)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví

dụ: ngày 07/08/2011 xuất 18.250 kg thóc hạt cho phân xưởng sản xuất

Công ty TNHH thương mại VIC

Mẫu số 02-VT

Khu CN vĩnh niệm- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 987

Ngày 07 tháng 08 năm 2011

- Tên đơn vị nhận: Xưởng sản xuất số 01

- Lý do xuất kho: Để sx sp thức ăn gia súc ông tiên

- Xuất tại kho:

STT	Tên nhân hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thóc hạt	TH	Kg			18.250	
	Cộng	×	×	×	×	18.250	

- Tổng số tiền (bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo: 1

Ngày 07 tháng 08 năm 2011

Người giao

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng TC-KT- Công ty TNHH thương mại VIC)

❖ Cuối tháng kế toán tính giá NVL xuất kho và tập hợp chi phí NVL TT:

- Số NVL tồn đầu tháng 08/2011 là 23.944,516 kg với đơn giá là 6.130 đồng/kg.

- Trị giá NVL nhập trong tháng 08: 864.255.000 đồng

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá NVL} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \frac{(23.944,516 \times 6.130) + 864.255.000}{23.944,516 + 132.962,308} = 6.443,54 \text{ đồng}$$

➔ Trị giá NVL(thóc hạt) xuất dùng để sản xuất trong tháng 08:
 $126.675,82 \times 6.443,54 = 816.240.713,2$ đồng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại VIC

Mẫu số 02-VT

Khu CN vĩnh niệm- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 987

Ngày 07 tháng 08 năm 2011

- Tên đơn vị nhận: Xưởng sản xuất số 01

- Lý do xuất kho: Để sx sp thức ăn gia súc ông tiên

- Xuất tại kho:

S T T	Tên mã hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thóc hạt	TH	Kg		18.250	6.443,54	117.594.605
	Cộng	x	x	x	18.250	6.443,54	117.594.605

- Tổng số tiền (bằng chữ): *một trăm mười bảy triệu năm trăm chín tư nghìn sáu trăm lẻ năm đồng chẵn./.*

- Số chứng từ gốc kèm theo: 1

Ngày 07 tháng 08 năm 2011

Người giao

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng TC-KT- Công ty TNHH thương mại VIC)

Kế toán kết chuyển chi phí (thành phẩm TĂGS OT):

Nợ TK 154 : 1.215.303.954

Có TK 6211:1.215.303.954

Trong đó : Có TK 6211(TH) : 816.240.713,2

Có TK 6211(NH): 399.063.240,8

Hàng ngày kế toán nguyên vật liệu sẽ căn cứ vào những chứng từ hợp lý, hợp lệ để nhập vào máy sau đó dữ liệu sẽ được máy xử lý, kết chuyển sau vào sổ kế toán (sổ cái TK 621, sổ chi tiết TK 621, sổ nhật ký chung - Biểu số 2.2, 2.3. các bảng phân bổ có liên quan (Bảng phân bổ nguyên vật liệu)

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy. Kết thúc quá trình nhập số liệu tự động kết chuyển vào các sổ cái TK có liên quan (TK 621 - Biểu số 2.2 và Biểu số 2.3). Bảng phân bổ NVL (Bảng số 2.2)

Từ những phiếu xuất kho trên, kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính. Cuối tháng máy tính sẽ tự động khoá sổ kế toán và in ra Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 621, Sổ chi tiết TK 621 theo từng sản phẩm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

6211 - Chi tiết sản phẩm TĂGS OT

Từ ngày 1/8/2011 đến ngày 31/8/2011

Dư đầu kỳ: 0

Dư cuối kỳ: 0

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	TK đ.ư	Nợ	Có
03/08/2011	PXK952	xuất ngô hạt để sản xuất TĂGS OT	152NH	122.025.250	
....
07/08/2011	PXK987	Xuất thóc hạt để sản xuất TĂGS OT	152TH	117.594.605	
..
31/08/2011	PKT	Phân bổ chi phí VL từ ngày 1/8/2011 đến ngày 31/8/2011	154		1.215.303.954
		Cộng số phát sinh		1.215.303.954	1.215.303.954

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng KT-TC)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/08/2011 đến ngày 31/08/2011

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		số trang trước chuyển sang	
PNK978	02/08	Nhập ngô hạt	152NH 133 112	173.088.000 8.654.400	181.724.400
PNK1001	05/08	Nhập kho thóc hạt	152TH	745.687.500	
		Thuế GTGT	133	37.284.375	
		Phải trả người bán	331		782.971.875
	
PXK987	07/08	Xuất thóc hạt	6211TH	816.240.713,2	
			152TH		816.240.713,2
.....
		Cộng chuyển sang trang sau		525.282.526.857	525.282.526.857

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng KT-TC)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 621: CP nguyên vật liệu trực tiếp

Số dư đầu kỳ: 0

Số dư cuối kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....
PXK722	12/08	Xuất bột cá	152	251.753.250	
PXK952	03/08	Xuất ngô hạt	152NH	122.025.250	
PXK987	07/08	Xuất thóc hạt	152TH	816.240.713,2	
		
PKT	31/08	KC chi phí NVL trực tiếp	154		1.842.882.900
		Tổng số phát sinh		1.842.882.900	1.842.882.900

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng KT-TC)

2.2.2. Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản trích theo lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định sau:

- BHXH: Tính bằng 22% tổng quỹ lương

Trong đó: 16% tính vào chi phí sxkd

6% khấu trừ vào lương của người lao động

- BHYT: Tính bằng 4,5% tổng quỹ lương

Trong đó 3% tính vào chi phí sxkd

1,5% khấu trừ vào lương của người lao động

- BHTN : tính bằng 2% tổng quỹ lương

Trong đó : 1% tính vào chi phí sxkd

1% khấu trừ vào lương của người lao động

- KPCĐ tính bằng 2% tổng quỹ lương và tính vào chi phí sxkd

Hiện nay, ở Công ty TNHH thương mại VIC áp dụng 2 hình thức trả lương: Công ty trả lương theo thời gian cho bộ máy quản lý, nhân viên điều hành. Trả lương theo sản phẩm cho công nhân trực tiếp tham gia sản xuất.

Lương sản phẩm là hình thức tiền lương tính theo khối lượng sản phẩm công việc đã hoàn thành, đảm bảo yêu cầu chất lượng quy định và đơn giá tiền lương tính cho 1 đơn vị sản phẩm.

*Lương sản phẩm = số lượng sp hoàn thành * đơn giá lương cho 1 sp hoàn thành*

Trong đó đơn giá lương cho 1 đơn vị sản phẩm (1kg thành phẩm) là: 385 đồng

Theo đó ta có thể tính lương của một công nhân sản xuất được tính như sau:

$$\text{Lương SP của một công nhân sản xuất} = \frac{\text{Lương sản phẩm}}{\text{Tổng số công lđ của phân xưởng sx}} \times \text{số công thực tế của 1 lao động}$$

Tiền lương phải trả cho 1 công nhân = lương của 1 CNSX + các khoản phụ cấp

Ngoài lương theo sản phẩm, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp khác như: phụ cấp chuyên cần, làm thêm giờ, tiền trách nhiệm, thâm niên ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Song do Công ty TNHH Thương Mại VIC áp dụng hình thức trả lương sản phẩm nên căn cứ để trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động lại tùy vào mức BHXH mà DN mua cho NLĐ. Công ty trích các khoản bảo hiểm của công nhân dựa trên số lương tối thiểu của công nhân đó.

Mức lương tối thiểu * hệ số lương

- *Tài khoản sử dụng*

- Công ty sử dụng tài khoản 622- Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp dùng trong kỳ.

- + TK6221: Chi phí NCTT TĂGS OT

- + TK 6222: Chi phí NCTT TĂGS CHV

- + TK6223: Chi phí NCTT HH CUM

.....

- TK 334: Phải trả công nhân viên

- TK 338: Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Các TK khác có liên quan ...

- *Chứng từ sử dụng*

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng các chứng từ:

- + Bảng chấm công theo mẫu số 01- LĐTL

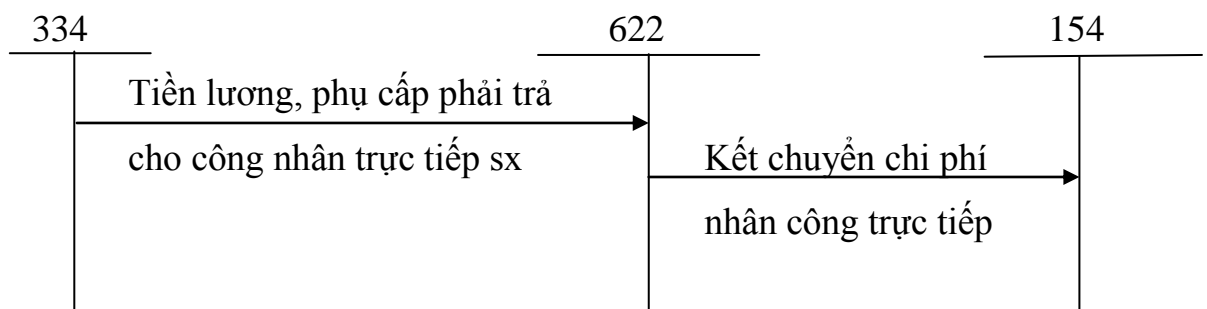
- + Bảng thanh toán lương theo mẫu số 02- LĐTL

- + Bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương mẫu số 10-LĐTL

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH mẫu số 11-LĐTL

- *Quy trình hạch toán.*

Sơ đồ 2.2: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



Trong điều kiện hiện nay thì chi phí NC TT chiếm khoảng 6% trong việc tính giá thành sản phẩm. Do vậy hạch toán chi phí NCTT cần phải đảm bảo đầy

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đủ và chính xác để tính lương và trích lương cho người lao động kịp thời đúng lúc. Đồng thời góp phần quản lý tốt thời gian lao động và quỹ tiền lương của công ty.

Hàng tháng, căn cứ vào Bảng chấm công của đơn vị (gồm phòng ban và phân xưởng) và các chứng từ khác có liên quan đến lao động tiền lương của từng đơn vị chấm công và có thủ trưởng đơn vị xác nhận, ký duyệt. Phòng kế toán xem xét và duyệt khối lượng công việc hoàn thành và tính ra tiền lương của từng đơn vị.

Sau khi tính ra lương của các đơn vị, kế toán trưởng sẽ tập hợp tổng tiền lương phải trả phát sinh trong tháng theo từng đối tượng được hưởng lương và lập Bảng phân bổ tiền lương cho từng đơn vị. Trên cơ sở đó, kế toán tổng hợp lương lên bảng phân bổ tiền lương của toàn công ty.

❖ Ví dụ: Tính tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương của công nhân Nguyễn Kiên Trung khi tham gia sản xuất sp TÁGS OT

- Số ngày công thực tế của Nguyễn Kiên Trung là: 30 công
- số lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng 08 là 191.892 kg
- Tổng số công của PXSX là: 578 công

Theo cách tính lương như trên ta có :

❖ Lương sản phẩm của PXSX = $191.892\text{kg} \times 385\text{đ/sp} = 73.878.420$ đồng

Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân Nguyễn Kiên Trung là:

$$\frac{73.878.420}{578} \times 30 = 3.834.520 \text{ đồng}$$

Ngoài tiền lương sản phẩm, anh Trung còn được nhận tiền thâm niên là: 70.000đồng/tháng.

Vậy tiền lương thực tế: $3.834.520 + 70.000 = 3.904.520$ đồng

- Lương tối thiểu của anh Trung là: 830.000 đồng
- Vậy căn cứ trích BH của anh Trung là: $830.000 \times 1,84 = 1.527.200$ đồng
- Các khoản trích theo lương mà anh Trung phải nộp:
 - + Trích BHXH $1.527.200 \times 6\% = 91.632$ đồng
 - + Trích BHYT : $1.527.200 \times 1,5\% = 22.908$ đồng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Trích BHTN : $1.527.200 * 1\% = 15.272$ đồng

Các khoản khấu trừ vào lương mà anh Trung phải nộp:

$91.632 + 22.908 + 15.272 = 129.812$ đồng

⇒ Thực lĩnh = $4.284.520 - 129.812 = 4.154.708$ đồng

• Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tại phân xưởng sản xuất thức ăn gia súc ông tiên :

- Căn cứ vào Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương và Bảng các khoản trích theo lương, kế toán ghi:

+ Tính lương phải trả cho bộ phận sản xuất:

Nợ TK 6221 : 82.878.420

Có TK 334: 82.878.420

+ Các khoản trích theo lương :

Nợ TK 6221 : 3.652.000

Nợ TK 334 : 1.411.000

Có TK 338 : 5.063.000

Trong đó : Có TK 3382: 332.000

Có TK 3383: 3.652.000

Có TK 3384: 747.000

Có TK 3389: 332.000

Trả lương tháng 08 cho công nhân sản xuất trực tiếp bằng TGNH:

Nợ TK 334 : 81.467.420

Có TK 112: 81.467.420

Căn cứ vào bảng tính lương vào cuối tháng như tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất ví dụ của sản phẩm T ÆGS OT là 82.878.420 đ, kế toán tiền lương nhập số liệu vào máy theo trình tự sau:

Từ màn hình của phần mềm EFFECT kế toán tiền lương vào mục kế toán chi tiết hiện-> kế toán khác -> kế toán khác VNĐ ->hiện ra màn hình nhập số liệu

Ngày: 31/8/2011

Số CT: 215

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nội dung: Phân bổ tiền lương tháng 8/ 2011

TK nợ: 6221 (Chi tiết cho sản phẩm TĂGS OT)

Tiền nợ: 82.878.420

TK có: 334

Tiền có: 82.878.420

Kết thúc nhân nút (lưu)

Sau đó kê toán tiền lương nhập tiếp dữ liệu về các khoản trích theo lương như BHXH, KPCĐ, BHYT, BHTN theo định khoản như sau:

Nợ TK 621 (Chi tiết theo từng sản phẩm)

Có TK 3382, 3383, 3384, 3389

Căn cứ vào số liệu đã nhập máy tự động chuyển vào các sổ TK 622 (Biểu số 2.5 và 2.6), TK 334 và vào bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Biểu số 2.2)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sổ chi tiết tài khoản 622

6221 - Chi tiết Chi tiết sản phẩm TĂGS OT

Từ ngày 1/8/2011 đến ngày 31/8/2011

Dư đầu kỳ: 0

Dư cuối kỳ: 0

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	TK đ.ư	Nợ	Có
31/08/2011	BCCT08	Phân bổ tiền lương tháng 8/2011	334	82.878.420	
31/08/2011	BLT08	Trích 2% KPCĐ tháng 8/2011	3382	332.000	
31/08/2011	BLT08	Trích 16% BHXH tháng 8/2011	3383	2.656.000	
31/08/2011	BLT08	Trích 3% BHYT tháng 8/2011	3384	498.000	
31/08/2011	BLT08	Trích 1% BHTN tháng 8/2011	3389	166.000	
31/08/2011	PKC	Phân bổ chi phí NC từ ngày 1/8/2011 đến ngày 31/8/2011	154		86.530.420
		Cộng phát sinh		86.530.420	86.530.420

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/08/2011 đến ngày 31/08/2011

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
.....
BCCT08	31/08	Phải trả lương cho công nhân sản xuất	6221	82.878.420	
			334		82.878.420
BLT08	31/08	Trích các khoản theo lương	6221	3.652.000	
			334	1.411.000	
			338		5.063.000
BLT08	31/08	Chi TGNH trả lương công nhân sx TĂGS OT	334	81.467.420	
			112		81.467.420
....
		Cộng chuyển trang sau		525.282.526.857	525.282.526.857

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng KT-TC)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 622: CP nhân công trực tiếp

Số dư đầu kỳ: 0

Số dư cuối kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
BCCT08	31/08	Phải trả lương cho công nhân sx	334	125.676.562,2	
BLT08	31/08	Trích KPCĐ (2%)	3382	503.443,7	
BLT08	31/08	Trích BHXH (16%)	3383	4.027.549,6	
BLT08	31/08	Trích BHYT (3%)	3384	755.165,6	
BLT08	31/08	Trích BHTN (1%)	3389	251.721,83	
PKT	31/08	K/C chi phí nhân công trực tiếp	154		131.214.532,9
		Tổng số phát sinh		131.214.532,9	131.214.532,9

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng KT-TC)

2.2.3. Chi phí sản xuất chung (TK 627)

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của Công ty.

Tại Công ty chi phí sản xuất chung bao gồm các loại khoản chi phí:

- Chi phí nhân viên phân xưởng
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Do Công ty là doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm và doanh nghiệp không tập hợp chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm lên doanh nghiệp phân bổ chi phí sản xuất chung theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Công thức phân bổ:

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung} = \frac{\text{Tổng chi phí NVL TT của từng loại sản phẩm}}{\text{Tổng chi phí NVL TT xuất dùng}}$$

$$\text{CP sx chung phân bổ cho từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Hệ số phân bổ CP sx chung}}{\text{Hệ số phân bổ CP sx chung}} \times \text{Tổng mức chi phí sx chung}$$

- *Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng ...

- *Kế toán tập hợp chi phí nhân viên quản lý phân xưởng*

Chi phí nhân viên phân xưởng là khoản chi phí tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận sản xuất, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn được tính theo tỷ lệ trên tiền lương của nhân viên phân xưởng.

- + *Chứng từ sử dụng*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Bảng chấm công theo mẫu số 01- LĐTL
- Bảng thanh toán lương theo mẫu số 02- LĐTL
- + Quy trình hạch toán

Cũng như trả lương cho công nhân sản xuất trực tiếp, phải căn cứ vào Bảng chấm công, bảng thanh toán lương hàng tháng, danh sách những nhân viên tham gia vào quá trình quản lý và kế toán tính lương. Căn cứ vào các bảng này thì kế toán tiến hành lập sổ chi tiết TK 627 để tiện theo dõi trong quá trình kinh doanh.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng chấm công, Bảng thanh toán lương của các cán bộ quản lý phân xưởng do cán bộ phòng kế toán theo dõi để tính ra lương phải trả cho cán bộ quản lý phân xưởng.

Như đã nói ở phần kế toán nhân công trực tiếp kế toán tiền lương căn cứ vào bảng tổng hợp lương do bộ phận hành chính tổng hợp chuyển lên để tính ra các khoản trích theo lương như BHXH, KPCĐ, BHYT. Theo đúng chế độ quy định rồi căn cứ vào đó để nhập số liệu vào máy tính.

Quy trình hạch toán. Từ màn hình máy tính của phần mềm kế toán EFFEC kế toán tiền lương vào mục kế toán chi tiết ->kế toán khác -> kế toán VNĐ-> hiện ra màn hình nhập số liệu.

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương, kế toán nhập số liệu vào máy tính và máy tính sẽ nhập số liệu vào Nhật ký chung, Sổ cái TK 627

Khi phân bổ chi phí nhân công quản lý phân xưởng, kế toán cũng dựa vào hệ số phân bổ chi phí sản xuất để tiến hành phân bổ chi phí cho từng loại sản phẩm để tính giá thành từng loại sản phẩm.

Cuối kỳ kế toán tính lương nhân viên phân xưởng :

Nợ TK 627: 27.250.725

Có TK 334: 27.250.725

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí:

Nợ TK 627 : 264.000

Có TK 338 : 264.000

➤ *Chi phí công cụ dụng cụ*

Chi phí công cụ dùng cho bộ phận sản xuất gồm máy khâu bao TQ, máy bơm mỡ, giấy bảo hộ, cân đồng hồ, quạt điện senko, dao cắt chỉ ...

máy,....

+ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi

- HĐ GTGT mua hàng

- Bảng kê xuất CCDC

+ Quy trình hạch toán

Tại Công ty TNHH Thương mại VIC khi xuất dùng CCDC cho phân xưởng sx thì toàn bộ giá trị của CCDC đó đều được tính vào chi phí sx trong tháng để tính giá thành sản phẩm của tháng đó. Nếu giá trị mua CCDC có giá trị nhỏ thì ngay khi mua về không thông qua nhập kho mà xuất thẳng xuống phân xưởng sản xuất, phân bổ ngay cho chi phí sản xuất trong tháng. Nếu CCDC mua về có giá trị tài sản lớn (Máy khâu,..) thì được thông qua nhập kho và tiến hành phân bổ bổ thời gian sử dụng làm nhiều kỳ hoạch toán để tính giá thành sản phẩm.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê xuất CCDC sử dụng và Bảng phân bổ CCDC xuất dùng, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán và máy tính sẽ tự chạy số liệu vào Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 627 và Sổ chi tiết TK 6272.

Ví dụ: Ngày 01/08/2011 Công ty chi tiền mua máy khâu, tổng số tiền thanh toán là 6.435.000 đồng. Công ty đã thanh toán ngay bằng tiền mặt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001																		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2011P																		
Liên 2: Giao cho khách hàng			0055083																		
Ngày 01 tháng 08 năm 2011																					
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH SX và TM Tuấn Hưng																					
Địa chỉ: Nguyễn Bình Khiêm, Hải An, Hải Phòng																					
Số tài khoản:																					
Điện thoại:																					
MST:		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>				0	2	0	0	6	4	4	9	5	7						
0	2	0	0	6	4	4	9	5	7												
Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Quyên																					
Tên đơn vị: Cty TNHH Thương Mại VIC																					
Số tài khoản:																					
Hình thức thanh toán: TM		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>				0	2	0	0	1	5	0	0	3	9						
0	2	0	0	1	5	0	0	3	9												
MST:																					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Máy khâu	cái	1	5.850.000	5.850.000																
Cộng tiền hàng:					5.850.000																
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		585.000																
Tổng cộng tiền thanh toán					6.435.000																
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu, bốn trăm ba mươi năm nghìn đồng chẵn./.																					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>																	

(Nguồn trích: Phòng TC-KT- Công ty TNHH Thương Mại VIC)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Mẫu số: 02-TT

Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm Hải phòng *(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số: 020

Ngày 01 tháng 08 năm 2011

Nợ TK 153: 5.850.000

Nợ TK 133: 585.000

Có TK 111: 6.435.000

Người nhận tiền: Vũ Thị Lan Anh.....

Địa chỉ:

Về khoản: Mua máy khâu

Số tiền: 6.435.000 đồng

Bằng chữ: *sáu triệu bốn trăm ba mươi năm nghìn đồng chẵn.!*

Kèm theo:2.....chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn trích: Phòng TC-KT- Công ty TNHH Thương Mại VIC)

Kế toán nhập kho: Nợ TK 153:5.850.000

Nợ TK 133: 292.500

Có TK 111:6.142.500

Khi xuất dùng máy khâu (trong 12 tháng)

Nợ TK 142 : 5.850.000

Có TK 153 : 5.850.000

Phân bổ giá trị máy khâu trong tháng 08:

Nợ TK 627 :487.500

Có TK 142 :487.500

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm - Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 08 năm 2011

Mã	Ghi có TK	TK 153	Tổng
	Ghi nợ TK		
	TK 627		
	Chi phí CCDC xuất dùng	52.562.750	52.562.750
	Trong đó: - máy khâu	487.500	152.562.750
	- quần áo bảo hộ	258.252	152.562.750
	152.562.750
	Tổng cộng	52.562.750	52.562.750

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng TC-KT- Công ty TNHH Thương Mại VIC)

Căn cứ vào các Hoá đơn GTGT, Bảng phân bổ CCDC, Bảng hệ số phân bổ chi phí sản xuất (Biểu số 2.3)... kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy tính, cuối tháng thì máy tính sẽ tự động khoá sổ và nhập số liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 627.

➤ *Chi phí khấu hao TSCĐ*

Những tài sản cố định dùng cho bộ phận sản xuất gồm: Xe nâng hàng, phòng phân tích, máy sàng quay, máy nén khí, máy chung cất đạm...

+ Tài khoản sử dụng : 214 – Hao mòn TSCĐ

+ Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ KH TSCĐ

Tài sản cố định của công ty được quản lý theo đơn vị sử dụng nên việc tính khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phân xưởng sản xuất và tập hợp trực tiếp cho phân xưởng đó. Đối với những máy móc đang sử dụng nhưng đã qua hết khấu hao thì không tiến hành trích khấu hao nữa.

Với những tài sản đang sử dụng, để thuận tiện cho việc theo dõi KH TSCĐ, công ty đã sử dụng phương pháp tính KH TSCĐ theo đường thẳng (KH đều), thời gian sử dụng đã được quy định theo thông tư 203/2009/TT-BTC khấu hao TSCĐ của Bộ tài chính. Hàng tháng, kế toán tiến hành trích KH TSCĐ

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{NG TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao bq}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao năm} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng}}$$

• Ví dụ: tính khấu hao của máy chung cất đạm có nguyên giá là 117.000.000 đồng, tỷ lệ tính khấu hao là 8%/năm.

$$\text{Mức KH tháng 08} = \frac{117.000.000 \times 8\%}{12} = 780.000 \text{ đồng}$$

Trích khấu hao TSCĐ ở BPSX tháng 08 / 2011:

$$\text{Nợ TK 627} : 78.053.184,58$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Có TK 214 : 78.053.184,58

➤ *Chi phí dịch vụ mua ngoài.*

Công ty TNHH Thương Mại VIC có các dịch vụ mua ngoài như tiền điện,... công ty tính riêng chi phí về dịch vụ mua ngoài cho từng bộ phận. Việc tính chi phí dịch vụ mua ngoài được tính dựa trên các chứng từ như hoá đơn thanh toán tiền điện, nước ...

Ví dụ: Ngày 31 tháng 08 năm 2011, Công ty thanh toán tiền điện dùng cho phân xưởng sản xuất số tiền là 94.882.240,2 đồng.

Căn cứ vào hoá đơn tiền điện số 0320117 KT hạch toán:

Nợ TK 627 : 86.256.582

Nợ TK 133 : 8.625.658,2

Có TK 112 : 94.882.240,2

➤ *Chi phí khác bằng tiền.*

Đây là những khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản chi phí đã được kê trên phục vụ cho hoạt động sản xuất của phân xưởng, đội tổ sx.

Chi phí bằng tiền khác: - Mua khẩu trang cho công nhân

- Mua đồ dụng cho công nhân

- Tiền chi gửi bưu phẩm

Kế toán căn cứ vào HĐGTGT để tập hợp chi phí.

Trong tháng 08/2011, công ty không phát sinh chi phí khác bằng tiền nên không phân bổ chi phí khác bằng tiền để tính vào giá thành sản phẩm.

Từ những chi phí đã tập hợp được trong kỳ, kế toán đưa số liệu nhập vào phần mềm máy tính và phần mềm máy tính sẽ tự động nhập số liệu vào Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 627, sổ cái TK 627. Cuối kỳ kết chuyển chi phí đã tập hợp được chuyển sang TK 154.

• Sau khi tập hợp chi phí sản xuất chung của toàn phân xưởng, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho sản phẩm thức ăn gia súc ông tiên.

- Chi phí sản xuất chung toàn doanh nghiệp: 244.387.241,6

- chi phí NVL TT toàn doanh nghiệp: 2.842.882.900

- chi phí NVL TT của sản phẩm TĂGS ông tiên: 1.215.303.954

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số phân bổ} \\ \text{chi phí sản xuất chung} \end{array} = \frac{1.215.303.954}{2.842.882.900} = 0,4275$$

$$\begin{array}{l} \text{CP sx chung} \\ \text{phân bổ cho sản phẩm} \\ \text{TĂGS ông tiên} \end{array} = 0,4275 \times 244.387.241,6 = 104.475.545,8$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 627: CP sản xuất chung

Số dư đầu kỳ: 0

Số dư cuối kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
BPBCCD CT08	31/08	Chi phí CCDC	153	52.562.750	
BHKT08	31/08	Chi phí khấu hao	214	78.053.184,58	
HĐGTGT 0320117	31/08	Chi phí tiền điện	112	86.256.582	
BCCT08	31/08	Phải trả lương cho công nhân sx phân xưởng	334	27.250.725	
BCCT08	31/08	Trích các khoản theo lương	338	264.000	
PKT	31/08	K/C chi phí nhân công trực tiếp	154		244.387.241,6
		Tổng số phát sinh		244.387.241,6	244.387.241,6

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng KT-TC)

2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất cuối kỳ

Để tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng TK 154- Chi phí sxkd dở dang”

Kế toán sử dụng tài khoản cấp hai của TK 154 để theo dõi chi tiết từng sản phẩm:

- TK 1541 : chi phí sxkd dở dang TĂGS ông tiên
- TK 1542 : chi phí sxkd dở dang TĂGS CHV
- TK 1543 : chi phí sxkd dở dang HH CUM...

.....

Định kỳ vào thời điểm cuối tháng sau khi chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ đã tập hợp, kế toán tổng hợp tiến hành kết chuyển phân bổ từ các tài khoản 621, 622, 627 sang tài khoản 154. Thao tác kết chuyển phân bổ được tiến hành trên phần mềm kế toán EFFECT như sau:

Từ màn hình nền EFFECT vào mục kế toán tổng hợp -> kế toán tính giá thành -> kết chuyển phân bổ chi phí -> kế toán tiến hành kết chuyển, phân bổ tuần tự, các chi phí kết chuyển, phân bổ tuần tự các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Đối với các loại chi phí trên ta chọn mục "Phân bổ" tháng phân bổ là tháng 8 (Từ ngày 1/8/2011 đến ngày 31/8/2011), sau đó lựa chọn tiêu thức phân bổ là "tùy chọn", rồi tiến hành thao tác phân bổ chi phí sản xuất trong kỳ, khoản mục chi phí phát sinh trong sản phẩm nào thì tiến hành phân bổ trực tiếp cho sản phẩm đó.

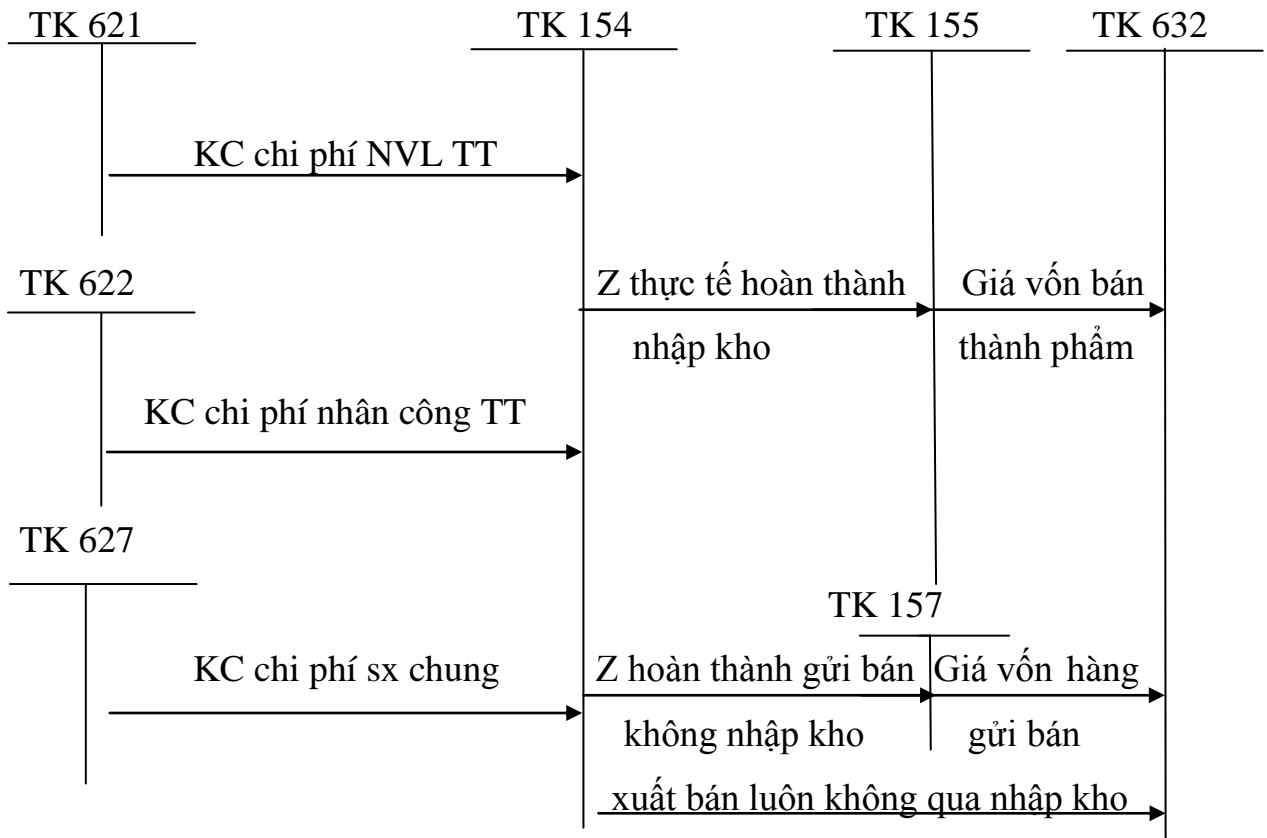
Việc hạch toán đối với các sản phẩm khác tương tự như trên.

Sau khi tiến hành thao tác kết chuyển phân bổ trên thì số liệu sẽ được máy tự động chuyển vào các sổ tài khoản có liên quan:

Các sổ tài khoản 154 (Biểu số 2.9 và 2.10).

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Các loại chi phí trên đều được tập hợp vào bên nợ tài khoản 154. Cụ thể: Cuối kỳ tính giá sau khi đã tập hợp được các chứng từ liên quan, kế toán tập hợp TK 621, TK 622, TK 627 kết chuyển sang TK 154.

Sơ đồ 2.4: Tập hợp chi phí sx kinh doanh trong kỳ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/08/2011 đến ngày 31/08/2011

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
.....
PKT08	31/08	Chi phí NVL TT	154	1.842.882.900	
			621		1.842.882.900
PKT08	31/08	Chi phí NCTT	154	131.214.532,9	
			622		131.214.532,9
PKT08	31/08	Chi phí SXC	154	244.387.241,6	
			627		244.387.241,6
.....
		Cộng chuyển trang sau		525.282.526.857	525.282.526.857

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng KT-TC)

2.2.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang cuối kỳ của công ty TNHH thương mại VIC là những sản phẩm đang sản xuất trong quá trình sản xuất, cuối tháng vẫn chưa hoàn thành để nhập kho thành phẩm.

Căn cứ vào đặc điểm công nghệ và tính chất sản xuất sản phẩm có kỳ sản xuất ngắn, chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Xuất phát từ những lý do đó, công ty áp dụng phương pháp tính giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí NVL trực tiếp.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CP dđđk} + \text{CP p/s 621}}{\text{SL tp} + \text{SL dd}} \times \text{SL dd}$$

Sau khi kết chuyển chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm của từng sản phẩm hoàn thành nhập kho và xác định chi phí dở dang cuối kỳ của những sản phẩm chưa hoàn thành nhập kho..

○ Kế toán tiến hành tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của sản phẩm TĂGS ông tiên:

- Chi phí dở dang đầu kỳ: 85.247.526,7
- Chi phí phát sinh 6211: 1.215.303.954
- Số lượng thành phẩm nhập kho: 191.892 kg
- Số lượng thành phẩm dở dang: 5.275 kg

Giá trị sản phẩm dở

$$\begin{array}{l} \text{dang cuối kỳ SP} \\ \text{TĂGS ông tiên} \end{array} = \frac{85.247.526,7 + 1.215.303.954}{191.892 + 5.275} \times 5.275 = 34.794.915,28 \text{ đồng}$$

Việc tính trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ của các sản phẩm khác tương tự như cách tính trên

Kế toán tổng hợp căn cứ vào khối lượng dở dang đầu kỳ. (khối lượng dở dang cuối kỳ của tháng trước chuyển sang), khối lượng dở dang đầu kỳ của tháng này và chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của toàn Công ty để tính giá thành sản phẩm.

2.2.6. Kế toán tính giá thành sp tại công ty TNHH thương mại VIC

2.2.6.1. Đối tượng tính giá thành

Do đặc điểm quy trình công nghệ sx của công ty là một quy trình kiểu liên tục phức tạp, nên sản phẩm của giai đoạn này là bán thành phẩm hoặc là NVL chính của giai đoạn sau. Mặt khác, trong mỗi giai đoạn sản xuất thì bán thành phẩm của giai đoạn này lại là tiền đề của các giai đoạn tiếp theo để cuối cùng thành một sản phẩm hoàn chỉnh.

Do đó, đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty là từng loại sản phẩm

2.2.6.2. Kỳ tính giá thành

Căn cứ vào tình hình thực tế về đặc điểm quy trình sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm và sản phẩm hoàn thành liên tục nên công ty đã chọn cách tính giá thành sản phẩm vào cuối mỗi tháng, theo phương pháp tính giá theo phương pháp giản đơn.

2.2.6.3. Phương pháp tính giá

Kết thúc giai đoạn tập hợp chi phí sx, kế toán cần kiểm tra để kết chuyển chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì đây là giai đoạn sau của quá trình hoạch toán chi phí. Tính toán đúng và đầy đủ chi phí cho từng loại sản phẩm sẽ tạo điều kiện cho nhà quản lý đánh giá được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để có phương pháp tính giá thành hợp lý, phù hợp với đặc điểm tổ chức, trình độ quản lý của doanh nghiệp, công ty TNHH Thương Mại VIC đã sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn.

Sau khi tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ chi tiết theo từng loại sản phẩm, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm.

Công thức tính giá sp:

$$Z = S_0 + \text{PS trong kỳ} - S_1$$

$$Z_{dv} = \frac{Z}{Q_{sx}}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó: Z: Tổng chi phí sx

S₀: Chi phí sx dở dang đầu kỳ

PS trong kỳ: Chi phí phát sinh trong kỳ

S₁: Chi phí sx dở dang cuối kỳ

Q_{sx}: Sản lượng sx ra trong kỳ

Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm- Hải Phòng

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tháng 08 năm 2011

Tên sản phẩm: TĂGS ông tiên

Chỉ tiêu	Chia ra theo khoản mục			Cộng
	CP NVL trực tiếp	CP nhân công trực tiếp	CP SXC	
CP SXKD dở dang đầu kỳ	85.247.526,7	-	-	85.247.526,7
CP SXKD phát sinh trong kỳ	1.215.303.954	86.530.420	104.475.545,8	1.406.309.920
CP SXKD dở dang cuối kỳ	34.794.915,28	-	-	34.794.915,28
Tổng Z ông tiên	1.265.756.565	86.530.420	104.475.545,8	1.456.762.530

Số lượng sản phẩm hoàn thành: 191.892 kg

Giá thành đơn vị: $1.456.762.530/191.892 = 7.591,58$ đ/kg

Định khoản:

Nợ TK 1551 : 1.456.762.530

Có TK 1541: 1.456.762.530

Sản phẩm hoàn thành kế toán viết phiếu nhập kho.

CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC
KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ
THÀNH SẢN PHẨM ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI VIC**

3.1. Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại VIC.

Bất kỳ một Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào cũng tìm mọi cách để tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó thì kế toán phải làm tốt công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, cần phải giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sử dụng vật tư, tài sản cố định, tiền lương phải trả cho người lao động, ... một cách có hiệu quả trên cơ sở tổ chức hạch toán chi phí càng tốt hơn và phù hợp hơn. Từ đó cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý doanh nghiệp.

Đặc tính của chi phí sản xuất là vận động và không ngừng thay đổi, nó mang tính đa dạng và phức tạp gắn liền với tính đa dạng của ngành nghề sản xuất và quá trình sản xuất nên công tác hoàn thiện quá trình sản xuất tương đối khó khăn. Do đó hoàn thiện quá trình sản xuất cần phải thực hiện một số nội dung sau:

- + Tổ chức và luân chuyển chứng từ một cách có hệ thống, có kế hoạch và hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp số liệu phục vụ cho yêu cầu quản lý.

- + Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán chi phí phải thống nhất nhằm phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất của Doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thông tin và kiểm tra công tác quản lý.

- + Tổ chức lập báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính kịp thời hữu hiệu cho việc điều chỉnh và đưa ra được các quyết định quản lý kịp thời.

Để làm được điều đó thì hoàn thiện tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần phải tuân theo một số nguyên tắc sau:

+ Năm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức kế toán nói chung cũng như tổ chức kế toán chi phí sản xuất nói chung trong công tác quản lý tài chính của công ty.

+ Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nói chung cũng như công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần phải tuân theo chế độ tài chính kế toán của Nhà nước.

+ Kết hợp hài hoà giữa máy móc công nghệ với trí óc của người lao động. Chỉ có như vậy mới đem được hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán chi phí sản xuất nói riêng.

3.2. Nhận xét chung về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại VIC

3.2.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại VIC.

Ngay từ khi mới thành lập Công ty TNHH thương mại VIC đã có nhiều cố gắng và sự nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Trong suốt 13 năm qua Công ty đã không ngừng vươn lên, quá trình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về kinh doanh thức ăn gia súc và nuôi chông thuỷ hải sản. Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô sản xuất cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua thì đó lại là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của Nhà nước, Công ty TNHH thương mại VIC đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

Qua một thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại VIC với việc nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm”, em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

- Về công tác tổ chức kế toán tại Công ty: Công ty đã áp dụng hình thức

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhật ký chung nó rất phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và quy mô sản xuất của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, kiểm tra chi tiết theo chứng từ.

- Công ty thực hiện việc trả lương theo sản phẩm với từng phân xưởng. Hình thức này rất hiệu quả góp phần nâng cao trách nhiệm của người lao động và tăng cường công tác quản trị của công ty. Tuy trả lương theo sản phẩm cho đội, tổ phân xưởng nhưng vẫn có sự quản lý, giám sát của các phòng ban về chất lượng sản xuất và quá trình làm việc.

- Công ty luôn luôn khuyến khích bằng vật chất cũng như tinh thần đối với mỗi công nhân làm việc có hiệu quả. Việc trả lương theo sản phẩm và trả lương theo thời gian đã tạo điều kiện gắn liền lợi ích của người lao động với tiến độ thi công.

- Mặt khác, phòng kế toán đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức luân chuyển chứng từ khoa học, cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán một cách hợp lý phù hợp với mục đích yêu cầu của chế độ kế toán, vừa giảm bớt khối lượng công việc về ghi chép sổ sách kế toán, vừa tạo được sự chính xác dễ hiểu qua các chứng từ sổ sách như Công ty đã lập sổ chi tiết theo từng đối tượng giúp cho kế toán trưởng và ban lãnh đạo Công ty hiểu sâu hơn về quá trình sản xuất kinh doanh của công ty và lập phân tích báo cáo tài chính. Công tác này được tiến hành một cách khá tốt nên đã giúp cho DN có những quyết định kịp thời trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đã áp dụng phần mềm kế toán EFFECT giúp cho kế toán có thể tiết kiệm được nhiều thời gian hơn trong công tác làm sổ sách kế toán và họ có nhiều thời gian cho công tác quản lý.

- Về công tác tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán công ty đã hoạch toán chi phí sản xuất cho từng sản phẩm theo tháng một cách rõ ràng, đơn giản đảm bảo tốt cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất. Công ty đã áp dụng phương pháp tính giá sản phẩm theo phương pháp giản đơn.

Với việc áp dụng đúng các phương pháp hoạch toán kế toán có thể giúp cho DN có những bước đi có hiệu quả kinh tế cao. Công tác hạch toán tổ chức

tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có tác dụng giúp nhà quản lý có thể giảm bớt được chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất của công ty.

3.2.2. Những hạn chế trong công tác kế toán tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại VIC.

Bên cạnh những ưu điểm vừa nêu trên thì công ty vẫn còn những mặt hạn chế nhất định trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- *Tồn tại 1: Về khoản mục chi phí nhân công trực tiếp.*

- Công ty đã trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo đúng tỷ lệ quy định nhưng căn cứ để trích các khoản trên không hợp lý.

- Công ty TNHH Thương mại VIC không trích trước tiền lương nghỉ phép hoặc ngừng sản xuất có kế hoạch, mà khi có sự ngừng sản xuất. Thì chi phí phát sinh vẫn hạch toán luôn vào chi phí trong tháng đó .

Nợ TK 622

Có TK 334, 338

Điều đó cũng sẽ làm cho chi phí sản xuất trong tháng đó tăng so với số lượng sản phẩm sản xuất ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm trong kỳ.

- *Tồn tại 2: Công ty TNHH Thương mại VIC không trích trước chi phí sửa chữa lớn, khi sửa chữa lớn thực tế phát sinh, thì hạch toán luôn vào chi phí trong tháng đó.*

Nợ TK: 627

Có TK có liên quan TK 111, 112, 331..

Việc hạch toán trực tiếp như trên sẽ đẩy chi phí sản xuất trong tháng đó tăng lên. Do đó sẽ không đảm bảo ổn định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong kỳ.

- *Tồn tại 3. Về đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.*

Do đặc điểm sản xuất của công ty là sản xuất các loại sản phẩm khác nhau nên chi phí NVL TT chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng chi phí sản xuất nên công ty áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo

NVL TT. Song việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ căn cứ vào kiểm kê cuối kỳ là không chính xác. Hơn nữa chi phí nhân công TT và chi phí sản xuất chung thực tế của công ty cũng tương đối lớn và chi phí dở dang cuối kỳ là biến động giữa các tháng.

3.3. Một số ý kiến hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương Mại VIC.

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm.

Hạch toán kế toán là một biện pháp cấu thành nên hệ thống quản lý của Doanh nghiệp, đồng thời nó cũng là công cụ đặc lực của Nhà nước trong công việc quản lý và chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Để đảm bảo chức năng quản lý, giám sát một cách toàn diện và có hệ thống mọi hoạt động kinh tế tài chính của Doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, hệ thống tài chính kế toán phải thực hiện đúng quy định thống nhất, phù hợp, khoa học khách quan và thích hợp với yêu cầu quản lý của đơn vị.

Mặt khác, mục tiêu theo đuổi của hầu hết các DN là lợi nhuận. DN luôn luôn tạo mọi biện pháp, nỗ lực phấn đấu để nâng cao khả năng cạnh tranh và thu được lợi nhuận cao nhất. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của DN trong đó chi phí sx kinh doanh và giá thành sản phẩm là một nhân tố có ảnh hưởng rất lớn. Tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với nhiều DN. Góp phần giải quyết những vấn đề đó của DN công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm cần phải được quan tâm và không ngừng đổi mới hoàn thiện.

3.3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương Mại VIC.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương Mại VIC, được tiếp xúc trực tiếp với quá trình làm việc tại phòng kế toán thì em xin có một vài ý kiến nhỏ mong Công ty xem xét:

- *Kiến nghị 1: Về chi phí nhân công trực tiếp*

◆ Theo luật Bảo Hiểm Xã Hội căn cứ trích bảo hiểm dựa trên lương cơ bản và các khoản phụ cấp được thể hiện trên hợp đồng lao động.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Các khoản phụ cấp được doanh nghiệp thể hiện trên hợp đồng lao động sẽ phải tính bảo hiểm.

- Doanh nghiệp trả lương cho công nhân sản xuất theo sản phẩm do vậy căn cứ để trích bảo hiểm là số tiền lương sản phẩm mà công nhân nhận được cộng thêm khoản phụ cấp được thể hiện trên hợp đồng lao động nếu có.

- Khi công ty tính bảo hiểm đúng cho công nhân sẽ thể hiện đúng được quyền lợi của người lao động, làm người lao động tích cực tham gia sản xuất, đảm bảo an toàn cho người lao động.

VD: - Lương sản phẩm của anh Trung là 3.834.520 đồng

- Tiền thâm niên của anh Trung là 70.000 đồng/tháng (không được thể hiện trên hợp đồng lao động)

- Lương thực tế anh Trung = $3.834.520 + 70.000 = 3.904.520$ đồng

- Các khoản trích theo lương mà anh Trung phải nộp :

+ Trích BHXH : $3.834.520 * 6\% = 230.071,2$ đồng

+ Trích BHYT : $3.834.520 * 1,5\% = 57.517,8$ đồng

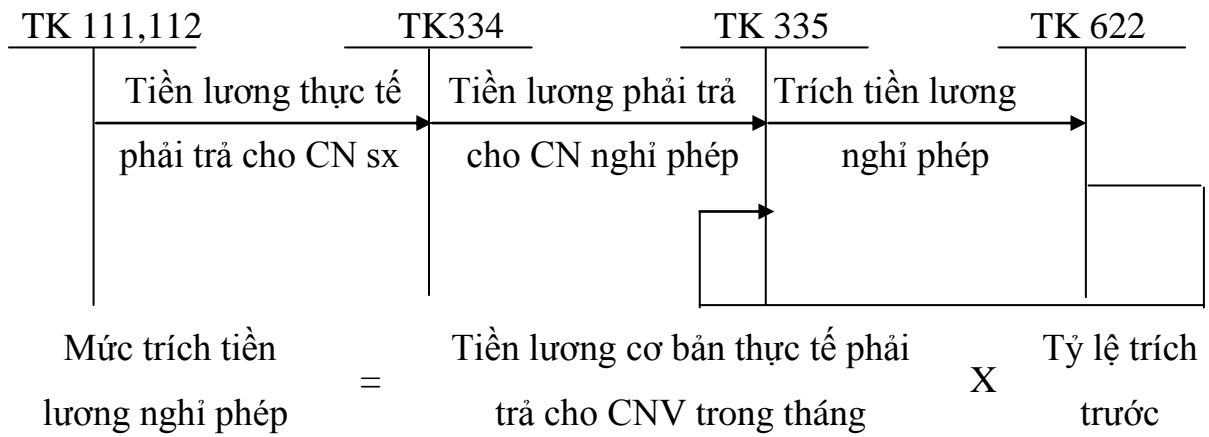
+ Trích BHTN : $3.834.520 * 1\% = 38.345,2$ đồng

◆ Để đảm bảo sự ổn định của chi phí nhân công trực tiếp trong tổng giá thành sản phẩm sản xuất ra, kế toán tiền lương nên tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất trực tiếp.

Tiền lương nghỉ phép được tính vào chi phí sản xuất một cách hợp lý vì nó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Nếu doanh nghiệp bố trí cho công nhân nghỉ đều đặn trong năm thì tiền lương nghỉ phép được tính trực tiếp vào chi phí sản xuất (như khi tính tiền lương chính), nếu doanh nghiệp không bố trí cho công nhân nghỉ phép đều đặn trong năm, để đảm bảo cho giá thành không bị đột biến tăng lên, tiền lương nghỉ phép của công nhân được tính vào chi phí sản xuất thông qua phương pháp trích trước theo kế hoạch. Cuối năm sẽ tiến hành điều chỉnh số trích trước theo kế hoạch cho phù hợp với số thực tế tiền lương nghỉ phép. Trích trước tiền lương nghỉ phép chỉ được thực hiện đối với công nhân trực tiếp sản xuất.

Sơ đồ 3.1. Quy trình hạch toán chi phí trích trước tiền lương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



$$\text{Tỷ lệ trích trước} = \frac{\text{Tổng TL nghỉ phép của CNSXTT theo KH}}{\text{g TL chính phải trả cho CNSXTT trong năm theo KH}}$$

Hàng tháng, trích trước tiền lương nghỉ phép, kế toán căn cứ vào kết quả trích trước lương nghỉ phép cho CN TT sx để hạch toán:

Nợ TK 622:

Có TK 335:

Số tiền trích trước thực tế phải trả cho CN TT sx thực tế phát sinh trong tháng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 335:

Có TK 334:

Khi thanh toán tiền lương nghỉ phép cho CN TT sx, kế toán hạch toán:

Nợ TK 334:

Có TK 111,112:

Cuối năm, kế toán tiến hành so sánh số chi lương nghỉ phép so với số trích trước lương để tìm ra khoản chênh lệch

- Nếu lương trích trước lớn hơn tiền lương trích thực tế thì kế toán hạch toán giảm chi phí thực tế:

Nợ TK 335:

Có TK 622:

- Nếu lương trích trước nhỏ hơn tiền lương trích thực tế thì kế toán hạch

toán tăng chi phí thực tế:

Nợ TK 622:

Có TK 335:

- *Kiến nghị 2:* Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn để nhằm ổn định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phát sinh trong kỳ, thì Công ty cần phải trích trước chi phí sửa chữa lớn, việc xác định mức trích chi phí sửa chữa lớn hàng tháng có thể căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn trong năm nay hoặc chi phí sửa chữa lớn đã phát sinh vào năm trước. Khi đó mức trích trước chi phí sửa chữa lớn trong tháng là: Chi phí sửa chữa lớn trong năm/12 tháng.

Hàng tháng khi tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn kế toán hạch toán.

Nợ TK 627

Có TK 335

Khi phát sinh chi phí sửa chữa lớn, căn cứ vào chứng từ hoá đơn hợp lý, hợp lệ kế toán ghi.

Nợ TK 2413

Có TK liên quan: 111, 112, 331, 152, 152

Khi quyết toán chi phí sửa chữa lớn kế toán ghi

Nợ TK 335

Có 2413

Cuối kỳ nếu số trích trước lớn hơn số thực tế phát sinh thì kế toán ghi:

Nợ TK 627

Có TK 335

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất & tính giá thành sản phẩm là một trong những công tác quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu của phòng kế toán về tập hợp chi phí sản xuất & tính giá thành của từng sản phẩm, từ đó giúp cho DN đề ra được những biện pháp hạ giá thành sản phẩm và xây dựng được giá cả phù hợp.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Thương mại VIC em thấy tầm quan trọng của công tác hạch toán kế toán trong quản lý doanh nghiệp.

Nhận thức được vấn đề trên và được sự giúp đỡ của cán bộ nhân viên phòng kế toán của công ty TNHH Thương mại VIC đã giúp em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình với đề tài: “Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại VIC”.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do trình độ và nguồn tài liệu tham khảo còn hạn hẹp nên bài viết này của em mới chỉ đề cập đến những vấn đề có tính chất cơ bản và mới chỉ đưa ra được những ý kiến bước đầu nên không trách khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự quan tâm và tham gia đóng góp ý kiến của các thầy trong nhà trường và các cán bộ nhân viên phòng kế toán của công ty TNHH Thương mại VIC để bài viết này hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến CN.Ttr.viên cấp II Dương Văn Biên và các thầy cô giáo ngành kế toán kiểm toán của trường ĐHDL Hải Phòng cùng toàn bộ các cán bộ nhân viên phòng kế toán công ty đã giúp em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Hải phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Sinh viên

Đỗ Thị Thanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1 – Bộ tài chính – NXB Tài chính – Hà Nội 2006
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2 – Bộ tài chính – NXB Tài chính – Hà Nội 2006
3. Các sổ sách chứng từ của Công ty TNHH Thương mại VIC
4. www.ketoan.com.vn
5. Giáo trình Nguyên lý kế toán – PGS. Nghiêm Văn Linh – NXB Tài chính – Hà Nội 2006